

**CAGIPHARM**

# **BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2017**

## **CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CẦN GIỜ**

Địa chỉ : Lầu 2, khu 2F-C1, tòa nhà Mirae Business Center 268 Tô Hiến Thành,  
Phường 15, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại : (028) 3.979.8750

Fax: (028) 3.979.8753

Website : [www.cagipharm.com.vn](http://www.cagipharm.com.vn)

Email : [cagipharm@cagipharm.com.vn](mailto:cagipharm@cagipharm.com.vn)



## MỤC LỤC

---oOo---

### I. GIỚI THIỆU CÔNG TY

1. Thông tin khái quát.
2. Quá trình hình thành và phát triển.
3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh.
4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý.
5. Định hướng phát triển.
6. Các rủi ro kinh doanh.

### II. NHÂN SỰ

1. Hội đồng Quản trị.
2. Ban điều hành.
3. Ban kiểm soát.
4. Thống kê nhân sự.
5. Chính sách đối với người lao động.

### III. BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG NĂM 2017

#### A. BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- A.1 Hoạt động của Hội đồng Quản trị năm 2017.
1. Đặc điểm tình hình.
  2. Tổ chức của Hội đồng Quản trị.
  3. Hoạt động giám sát Ban Tổng Giám đốc.
  4. Phối hợp hoạt động với Ban kiểm soát.
  5. Kết quả sản xuất kinh doanh.
  6. Về tài chính.
  7. Về việc thực hiện tái cấu trúc Công ty.
  8. Tình hình cổ đông.
  9. Thù lao của Hội đồng Quản trị, Ban điều hành và Ban kiểm soát năm 2017.
- A.2 Kế hoạch và định hướng năm 2018 của Hội đồng Quản trị.
1. Chỉ tiêu năm 2018.
  2. Các giải pháp thực hiện.
- A.3 Kết luận.

#### B. BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Đặc điểm tình hình.
  2. Kết quả sản xuất & kinh doanh năm 2017.
-



**CAGIPHARM**

3. Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán.
4. Một số kết quả khác.
5. Chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh hợp nhất năm 2018.
6. Kết luận.

**C. BÁO CÁO BAN KIỂM SOÁT**

1. Hoạt động của Ban kiểm soát.
2. Phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát, Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc.
3. Hoạt động của Hội đồng Quản trị.
4. Về công tác tài chính kế toán.
5. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hợp nhất năm 2017.
6. Tình hình tài chính năm 2017.
7. Kiến nghị.
8. Kết luận.

**IV. THÔNG TIN CỔ ĐÔNG**

1. Cổ phần.
2. Cơ cấu cổ đông.

**V. BÁO CÁO TÀI CHÍNH**



## I. GIỚI THIỆU CÔNG TY

### 1. Thông tin khái quát

- Tên Công ty : Công Ty Cổ phần Dược Phẩm Cần Giờ
- Tên giao dịch : CAGIPHARM
- Giấy CNĐKKD : Số 0302664945, do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 31 tháng 07 năm 2002, và theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 17 vào ngày 31 tháng 10 năm 2013.
- Vốn điều lệ : 110 tỷ đồng.
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu : 110 tỷ đồng.
- Địa chỉ : Lầu 2, Khu 2F-C1, tòa nhà Mirae Business Center 268 Tô Hiến Thành, Phường 15, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.



- Logo : CAGIPHARM
- Số điện thoại : (028) 3.979.8750 – 3.979.8751 – 3.979.8752
- Số fax : (028) 3.979.8753
- Website : cagipharm@cagipharm.com.vn
- Mã cổ phiếu (nếu có) : CGP

### 2. Quá trình hình thành và phát triển

- Cagipharm được thành lập năm 1982, tiền thân là Hiệu thuốc huyện Duyên Hải trực thuộc Công ty Dược cấp II (nay là Công ty Dược phẩm TP. Hồ Chí Minh — Sapharco). Theo quyết định số 0302664945 cấp ngày 31 tháng 07 năm 2002, số ĐKKD: 4103001125, Công ty được chính thức cổ phần hóa với:
  - Tên gọi là: Công ty Cổ phần Dược phẩm Cần Giờ
  - Tên giao dịch là: CANGIO PHARMACEUTICAL JOINT STOCK COMPANY
  - Tên viết tắt là: CAGIPHARM
- Hoạt động kinh doanh của Cagipharm hiện nay là:
  - Kinh doanh dược phẩm sản xuất tại nhà máy Công Ty TNHH MTV US Pharma USA tiêu chuẩn WHO - GMP
  - Kinh doanh dược phẩm nhập khẩu
- Nhà máy Cagipharm tiêu chuẩn WHO - GMP đặt tại khu Công nghiệp Tây Bắc Củ Chi TP. Hồ Chí Minh có 3 phân xưởng: phân xưởng thuốc Non-Betalactam, phân xưởng thuốc uống Cephalosporin và phân xưởng thuốc tiêm bột Cephalosporin. Nhà máy có công suất lắp đặt 400 triệu sản phẩm / năm với các dây chuyền sản xuất: viên nén, viên nén bao đường, viên nén bao phim, viên nang, viên nén sùi bọt, viên nang mềm, thuốc bột gói, thuốc kem mỡ, thuốc nước, thuốc tiêm bột.



- Dù mới đi vào hoạt động từ đầu năm 2008, danh mục sản phẩm thuốc của nhà máy đến nay bao gồm hơn 180 loại sản phẩm. Các sản phẩm dạng viên nang mềm, viên nén sủi bọt, và nhất là thuốc gói bột cho trẻ em được khách hàng trên toàn quốc tín nhiệm và ủng hộ.
- Cùng với việc kinh doanh thuốc do nhà máy sản xuất, Cagipharm vẫn tiếp tục kinh doanh thuốc nhập khẩu. Hơn 25 năm hoạt động, Cagipharm đã trở nên quen thuộc. Bên cạnh đó sản phẩm thực phẩm chức năng với mẫu mã đẹp, chất lượng đảm bảo đang được người tiêu dùng cả nước lựa chọn.
- Ngoài trụ sở chính đóng tại thành phố Hồ Chí Minh, Cagipharm còn có các đại lý tại thành phố Hà Nội, Đà Nẵng và Cần Thơ để phân phối thuận tiện hơn các sản phẩm đến các cơ sở y tế, các nhà thuốc và người tiêu dùng. Nhà máy sản xuất thuốc USPPharma WHO - GMP phân xưởng sản xuất thực phẩm chức năng đạt USA FDA với thiết bị hiện đại, lực lượng sản xuất có nhiều kinh nghiệm, giá cả hợp lý, chúng tôi đã và đang nhận được sự ủng hộ rất lớn từ các đơn vị trong và ngoài nước đặt gia công sản xuất và phân phối thuốc. Với phương châm "*Hỗ trợ điều trị, Hợp tác thành công*" Cagipharm luôn cải tiến và đổi mới để mang đến những sản phẩm đạt chất lượng và những dịch vụ tốt nhất cho người tiêu dùng và các đối tác.

### 3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

#### ❖ Ngành nghề kinh doanh

- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (Chi tiết: kinh doanh dược phẩm và dụng cụ y tế, nước hoa, mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh).
- Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu (Chi tiết : sản xuất dược phẩm).
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng (Chi tiết: sản xuất nước khoáng, nước tinh khiết đóng chai, không hoạt động tại trụ sở).
- Bán buôn thực phẩm (Chi tiết: bán buôn thực phẩm, thực phẩm chức năng, đường, sữa và các sản phẩm từ sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột, thực phẩm, không bán buôn tại trụ sở).
- Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng (Chi tiết: sản xuất trang thiết bị y tế, trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện, không sản xuất thủ công, gồm sứ tại trụ sở).
- Bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy khác (Chi tiết: Bán buôn trang thiết bị y tế; bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy ngành công nghiệp).
- Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Sản xuất thực phẩm đặc biệt như: Đồ ăn dinh dưỡng, sữa và các thực phẩm dinh dưỡng, thức ăn cho trẻ nhỏ, thực phẩm có chứa các thành phần hoóc môn, không hoạt động tại trụ sở).
- Bán buôn đồ uống.
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (Chi tiết: bán buôn hóa chất, trừ hóa chất sử dụng trong nông nghiệp).
- Dịch vụ đóng gói (trừ đóng gói thuốc bảo vệ thực vật).



- Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh (Thực hiện theo Quyết định 64/2009/QĐ-UBND ngày 31/07/2009 và Quyết định 79/2009/QĐ-UBND ngày 17/10/2009 về phê duyệt Quy hoạch kinh doanh nông sản, thực phẩm trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh).
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (Chi tiết: kinh doanh bất động sản).
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa.
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác.
- Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác.
- Cho thuê xe có động cơ.

#### ❖ Địa bàn kinh doanh

- Trụ sở chính của Công ty đặt tại Lầu 2, Khu 2F-C1, tòa nhà Mirae Business Center 268 Tô Hiến Thành, Phường 15, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh. Nhà máy sản xuất tại Lô B1-10 Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, Ấp Bàu Tre 2, Tân An Hội, Củ Chi, TP.HCM.
- Địa bàn kinh doanh rộng khắp cả nước, ngoài ra Công ty còn mở rộng thị trường xuất bán hàng sang Campuchia, Lào....
- Tại địa bàn thành phố Hồ Chí Minh Công ty có 03 địa điểm kinh doanh bán hàng gồm:
  - ✓ Địa điểm kinh doanh bán hàng 1: Lầu 2, Khu 2F-C1, tòa nhà Mirae Business Center 268 Tô Hiến Thành, Phường 15, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.
  - ✓ Địa điểm kinh doanh bán hàng 2: Gian hàng F16 – Trung tâm thương mại dược phẩm và trang thiết bị y tế số 134/1 Tô Hiến Thành, Phường 15, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.
  - ✓ Địa điểm kinh doanh bán hàng 3: 64 Đường Duyên Hải, Khu phố Phong Thạnh, Thị trấn Cần Thạnh, Huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Ngoài hệ thống nói trên Công ty còn có các đại lý, hiệu thuốc bán lẻ tại những vùng kinh tế, khu vực trên toàn quốc.
- Ngoài ra còn có 01 Công ty con: Công ty TNHH US Pharma USA.

#### 4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

##### ❖ Mô hình quản trị

Công ty hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần, đứng đầu là Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị gồm 05 thành viên, Ban kiểm soát gồm 03 thành viên, Ban Tổng Giám đốc gồm Tổng Giám đốc và 02 Phó Tổng Giám đốc.

##### ❖ Công ty con

Công ty TNHH US Pharma USA



- Địa chỉ: Lô B1-10, KCN Tây Bắc Củ Chi, Ấp Bàu Tre 2, Xã Tân Hội An, H.Củ Chi, Tp.HCM.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0310976553 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM cấp lần đầu ngày 08/07/2011, thay đổi lần thứ 4 ngày 14/04/2014.
- Vốn điều lệ đăng ký: 108.000.000.000 đồng.
- Tỷ lệ sở hữu của Công ty mẹ: 100%.
- Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất thuốc, sản xuất nước khoáng, nước uống đóng chai, sản xuất thực phẩm chức năng, xuất khẩu, nhập khẩu, bán buôn, bán lẻ, dịch vụ bảo quản và dịch vụ kiểm nghiệm thuốc, bán buôn thực phẩm chức năng, đồ ăn dinh dưỡng.

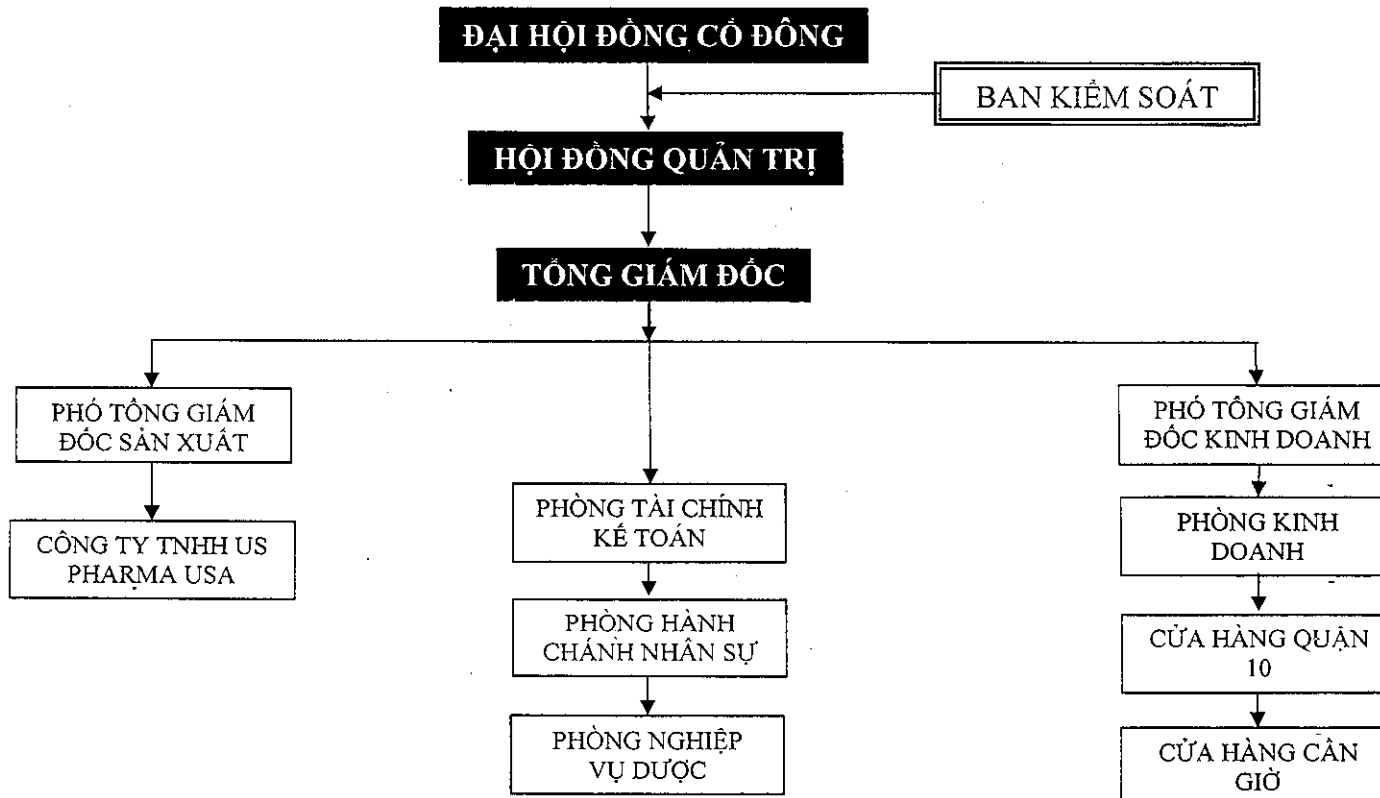
❖ Tóm tắt kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty con

*Đơn vị: Triệu đồng*

| Tên Công ty                | Doanh thu năm 2016 | Doanh thu năm 2017 | LNST năm 2016 | LNST năm 2017 | LNST/Doanh thu năm 2017 | Tăng trưởng doanh thu năm 2017 so với năm 2016 |
|----------------------------|--------------------|--------------------|---------------|---------------|-------------------------|--|
| Công ty TNHH US Pharma USA | 369.249            | 440.741            | 1.045         | 1.449         | 0,33%                   | 119,36%  |

*Nguồn: Công ty Cổ phần Dược phẩm Cần Giờ*

❖ Cơ cấu bộ máy quản lý



## 5. Định hướng phát triển

### Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

Nhiệm vụ chiến lược xây dựng Công ty trở thành một trong những Công ty dược phẩm phát triển vững mạnh, nổi bật trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh dược thực phẩm. Cam kết tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận năm sau luôn cao hơn năm trước.

### Chiến lược phát triển trung và dài hạn

1. Xây dựng nhà máy mới, đạt chuẩn GMP PIC/s, GMP – EU
2. Bổ sung thêm một số phân xưởng Betalactam, Thực phẩm chức năng đạt chuẩn GMP

### Các mục tiêu với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty

*Về môi trường:* nghiêm túc thực hiện các tiêu chuẩn an toàn vệ sinh chất lượng sản phẩm, nâng cao công tác quản lý, giám sát, thực hiện sản xuất xanh, sạch, môi trường làm việc an toàn.

*Đối với xã hội và cộng đồng:* thường xuyên tham gia ủng hộ và hưởng ứng tích cực các phong trào xã hội từ thiện, giáo dục....thể hiện trách nhiệm của Công ty với cộng đồng.

## 6. Các rủi ro kinh doanh

| Rủi ro             | Ảnh hưởng   | Quản trị  |
|--------------------|---|---|
| Rủi ro kinh doanh  | Các thông tư, nghị định của cơ quan quản lý, các quy định về tái cấp số visa thuốc, quy định về qui trình sản xuất, nguồn gốc nguyên liệu đầu vào, quản lý giá bán.....   | Công ty chủ động cơ cấu danh mục sản phẩm, đẩy mạnh sản xuất các sản phẩm có doanh thu và lợi nhuận cao.  |
| Rủi ro giá đầu vào | Giá cả các nguyên liệu vật liệu chính nhập khẩu không ổn định, tỷ giá ngoại tệ biến động.... và chi phí sản xuất tăng ảnh hưởng đến vấn đề kiểm soát chi phí, giá thành sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm của Công ty. | Công ty chủ động tìm các đối tác có nguồn cung ổn định và dồi dào nhằm tránh rủi ro về biến động giá nguyên liệu.                                 |
| Rủi ro về tỷ giá   | Tỷ giá ngoại tệ trong năm có biến động lớn, 95% nguyên liệu đầu vào của Công ty phải nhập khẩu. Trong năm vừa qua Công ty cũng thanh toán nợ gốc vay bằng ngoại tệ của ngân hàng BIDV, nên                                  | Chủ động trong việc dự báo tỷ giá, đồng thời xây dựng mối quan hệ với các ngân hàng nhằm được giải ngân nhanh chóng nguồn ngoại tệ khi cần thiết. |





|                              |   |   |
|------------------------------|---|---|
|                              | biến động về tỷ giá ảnh hưởng nhiều đến kết quả kinh doanh của Công ty.   |   |
| Rủi ro về lãi suất           | Khoản nợ gốc của Công ty tại các ngân hàng trên 86 tỷ đồng. Lãi suất cho vay của ngân hàng có ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.   | Công ty luôn cố gắng chủ động, tích cực tìm kiếm các nguồn vốn vay có lãi suất ưu đãi, cố gắng giảm thiểu việc đi vay nhằm hạn chế rủi ro phát sinh từ việc trả lãi, chủ động và linh hoạt trong việc quay vòng vốn sản xuất, tránh bị động về nguồn vốn. |
| Rủi ro về các khoản phải trả | Khoản nợ phải trả của Công ty rất lớn, hiện tại các khoản nợ đã được các ngân hàng và tổ chức cơ cấu phải trả từng quý, từng năm. Khoản nợ phải trả ngày càng lớn dẫn đến thiếu hụt nguồn vốn để hoạt động sản xuất kinh doanh. | Công ty luôn cố gắng chủ động, quay vòng vốn sản xuất, tránh bị động về nguồn vốn.  |

## II. NHÂN SỰ

### 1. Hội đồng Quản trị

- Là cơ quan quản lý Công ty cổ phần, có toàn quyền nhân danh Công ty cổ phần để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty cổ phần, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng Quản trị có trách nhiệm giám sát Tổng Giám đốc điều hành và những người quản lý khác. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị do Luật pháp và điều lệ Công ty cổ phần, các quy chế nội bộ của Công ty cổ phần và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông quy định.
- Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Dược phẩm Cần Giờ gồm 05 thành viên, thành viên Hội đồng Quản trị tính từ ngày 04/03/2016 đến ngày 31/12/2017:

| Stt | Họ tên                | Chức vụ           |
|-----|-----------------------|-------------------|
| 1   | Bà Phan Thị Hồng Liên | Chủ tịch HĐQT     |
| 2   | Ông Trần Cung         | Phó Chủ tịch HĐQT |
| 3   | Ông Dương Minh Dũng   | Thành viên HĐQT   |

|   |                 |                 |
|---|-----------------|-----------------|
| 4 | Ông Ngô Phi Hậu | Thành viên HĐQT |
| 5 | Ông Hoàng Mãng  | Thành viên HĐQT |

## 2. Ban điều hành

- Tổng Giám đốc là người điều hành và có quyền quyết định cao nhất về tất cả các vấn đề liên quan đến hoạt động hàng ngày của Công ty cổ phần và chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.
- Các Phó Tổng Giám đốc là người giúp việc cho Tổng Giám đốc và chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc về phần việc được phân công, chủ động giải quyết những công việc đã được Tổng Giám đốc ủy quyền và phân công theo đúng chế độ chính sách của Nhà nước và Điều lệ của Công ty cổ phần.
- Ban Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Dược phẩm Cần Giờ gồm 03 thành viên, danh sách các thành viên Ban điều hành:

| Stt | Họ tên                 | Chức vụ                                  |
|-----|------------------------|--|
| 1   | Ông Trần Cung          | Tổng Giám đốc                            |
| 2   | Ông Ngô Phi Hậu        | Phó Tổng Giám đốc – Phụ trách sản xuất   |
| 3   | Bà Trần Ngọc Lan Trang | Phó Tổng Giám đốc – Phụ trách kinh doanh |

## 3. Ban kiểm soát

- Là cơ quan trực thuộc Đại hội đồng cổ đông, do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Ban kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong điều hành hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính của Công ty cổ phần. Ban kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc.
- Ban kiểm soát của Công ty Cổ phần Dược phẩm Cần Giờ gồm 03 thành viên, danh sách các thành viên Ban kiểm soát từ ngày 30/07/2016 đến ngày 31/12/2017 gồm:

| Stt | Họ tên                | Chức vụ                  |
|-----|-----------------------|--------------------------|
| 1   | Ông Huỳnh Công Triết  | Trưởng Ban kiểm soát     |
| 2   | Bà Trần Thị Bích Loan | Thành viên Ban kiểm soát |
| 3   | Bà Phan Thị Ánh       | Thành viên Ban kiểm soát |





#### 4. Thống kê nhân sự

- Tổng số cán bộ công nhân viên của Công ty là 401 người (bao gồm cả Công ty TNHH US Pharma USA). Trong đó cơ cấu như sau:

##### Tình hình lao động tại thời điểm 31/12/2017

| Tiêu chí                               | Số lượng (người) | Tỷ trọng (%) |
|--|------------------|--------------|
| Trên đại học và đại học                | 83               | 20,70%       |
| Trình độ cao đẳng, trung cấp           | 176              | 43,89%       |
| Đã qua đào tạo tại các trường dạy nghề | 11               | 2,74%        |
| Khác                                   | 131              | 32,67%       |
| <b>Tổng cộng</b>                       | <b>401</b>       | <b>100%</b>  |

#### 5. Chính sách đối với người lao động

- Nguồn nhân lực là yếu tố quan trọng quyết định hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp. Do vậy, Công ty luôn đặt vấn đề đào tạo nhân lực và thực hiện chính sách thu hút và đào tạo lao động giỏi lên vị trí hàng đầu trong hoạch định chiến lược doanh nghiệp.

##### ❖ Chế độ làm việc

- Thời gian làm việc:
  - Đối với nhân viên khối hành chính gián tiếp thì thời gian làm việc không quá 8h/ngày và 48h/tuần, làm việc từ 8h00 đến 12h00 và 13h đến 17h00.
  - Đối với nhân viên khối trực tiếp thì thời gian làm việc theo ca theo quy định pháp luật hiện hành.
- Nghỉ phép, lễ, tết: Nhân viên công ty được nghỉ lễ, tết theo đúng quy định của nhà nước.
- Nghỉ ốm, thai sản: Thời gian và chế độ được hưởng theo đúng quy định của nhà nước.
- Điều kiện làm việc: Công ty luôn cố gắng tạo điều kiện tốt nhất cho nhân viên làm việc; cụ thể: Công ty trang bị đầy đủ trang thiết bị để nhân viên làm việc. Ngoài ra, nguyên tắc an toàn lao động luôn được tuân thủ nghiêm ngặt.

##### ❖ Chính sách phát triển nguồn nhân lực

- Công ty luôn quan tâm tới công tác phát triển nguồn nhân lực, quan tâm xây dựng đội ngũ cán bộ công nhân viên trẻ, năng động, có năng lực, có chuyên môn cao.

- Công tác tuyển dụng luôn được Công ty quan tâm và xem là nhiệm vụ trọng tâm hàng đầu giúp tổ chức có được lực lượng lao động giỏi. Với hệ thống các tiêu chí và yêu cầu cụ thể cho từng chức danh, Công ty đã thực hiện tốt công tác tuyển dụng trong các năm qua.
- Hàng năm, Công ty thường xuyên tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ, ngoại ngữ và các kỹ năng mềm cho cán bộ công nhân viên theo nhiều hình thức đào tạo.
- Công ty tập trung cải thiện điều kiện làm việc, chế độ, chính sách, từng bước tạo dựng văn hóa doanh nghiệp. Đến nay Công ty đã có một đội ngũ cán bộ quản lý kinh doanh, đội ngũ nhân viên trẻ, lành nghề, có kinh nghiệm, đầy tâm huyết, năng động và chuyên nghiệp được các khách hàng đánh giá cao.

❖ **Chính sách lương thưởng, trợ cấp**

- Công ty luôn khuyến khích người lao động phát huy sáng kiến cải tiến trong công việc để nâng cao thu nhập, tạo sự an tâm, gắn bó và nâng cao mức độ hài lòng của người lao động. Trong đó, tiền lương là một trong những chính sách quan trọng được Công ty đặc biệt quan tâm, diễn hình như:
  - o Khối quản lý: hưởng lương thời gian theo từng chức danh công việc.
  - o Khối kinh doanh: hưởng lương theo doanh số.
  - o Khối trực tiếp sản xuất: hưởng lương theo sản phẩm.
- Khối sản xuất: người lao động trực tiếp sản xuất được hưởng lương theo sản phẩm trên chính kết quả lao động của mình. Thời giờ làm việc tại Công ty và việc thanh toán chế độ làm ngoài giờ đảm bảo tuân thủ theo quy định của pháp luật lao động.
- Ngoài tiền lương, chế độ khen thưởng cũng là vấn đề được Công ty đặc biệt quan tâm. Căn cứ vào doanh thu, năng lực và hiệu quả công việc của nhân viên trong năm, Công ty xem xét và áp dụng các chế độ thưởng vào cuối năm như: thưởng tháng lương 13, thưởng đối với các cá nhân hoặc phòng ban có thành tích xuất sắc,...
- Về chế độ bảo hiểm: Công ty thực hiện nghiêm túc việc đóng BHYT, BHXH, BHTN... cho người lao động theo đúng quy định của pháp luật. Ngoài ra, Công ty còn mua bảo hiểm tai nạn 24/24 cho người lao động.

**III. BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG NĂM 2017**

**A. BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**A.1 Hoạt động của Hội đồng Quản trị năm 2017**

**1. Đặc điểm tình hình**

### 1.1 Thuận lợi

- Năm 2017, nền kinh tế Việt Nam ghi nhận một năm tăng lợi GDP cả nước tăng 6,81%, cao nhất trong vòng 6 năm qua. Lạm phát được kiểm chế dưới mức trần 4%. Thị trường chứng khoán có mức tăng cao nhất trong 10 năm trở lại đây.
- Thống kê từ hãng nghiên cứu thị trường IBM cho thấy chi tiêu bình quân đầu người dành cho thuốc tại Việt Nam năm 2017 khoảng 56 USD/người (tương đương 1,3 triệu đồng). Mức tăng trưởng trung bình trong chi tiêu dành cho thuốc hàng năm hơn 14%. Ngành dược phẩm Việt Nam tiềm năng phát triển còn lớn.
- Công ty Cổ phần Dược phẩm Cần Giờ (Cagipharm) đang sở hữu một nhà máy sản xuất dược phẩm có quy mô lớn, có tương đối đầy đủ các dây chuyền sản xuất.
- Thương hiệu Uspharma đang được thị trường chấp nhận với chất lượng thuốc ổn định, phủ rộng khắp cả nước. Uy tín của thương hiệu được các nhà cung ứng nguyên phụ liệu, bao bì cho gói đầu công nợ thuận tiện cho việc sản xuất.
- Công ty đang sở hữu đội ngũ cán bộ công nhân viên có trình độ chuyên môn cao, tận tâm, có trách nhiệm với công việc và với Công ty.
- Đặc biệt là luôn được sự đồng hành, quan tâm và đóng góp xây dựng của Quý Cổ đông.

### 1.2 Khó khăn

- Bên cạnh những thuận lợi Cagipharm cũng gặp không ít khó khăn, 90% nguyên liệu dùng cho sản xuất phải nhập khẩu, chính sách tỷ giá theo cơ chế thị trường làm ảnh hưởng đến sản xuất của Công ty. Công ty chưa thể thoát khỏi những khó khăn tài chính do thua lỗ thâm hụt về vốn trước đây. Máy móc thiết bị đầu tư quá lâu nay bắt đầu lạc hậu xuống cấp và do đầu tư không đồng bộ.

## 2. Tổ chức của Hội đồng Quản trị

- Số thành viên Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ 2017-2019 gồm 05 thành viên như trên.
- Năm 2017, Hội đồng Quản trị (HĐQT) đã tổ chức họp 10 phiên và ban hành các Nghị Quyết. Nội dung các cuộc họp tập trung chủ yếu vào hoạt động điều hành, công tác quản trị và đặc biệt là công tác tái cấu trúc Công ty nhằm mục tiêu thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông (ĐHĐCĐ) đã đề ra.

## 3. Hoạt động giám sát Ban Tổng Giám đốc

HĐQT đã giám sát việc thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ và các Nghị quyết HĐQT ban hành trong năm 2017 của Ban Tổng Giám đốc bằng các phương pháp như sau:

- Xem xét các báo cáo/tờ trình của Ban Giám đốc, tổ chức các buổi họp nghe báo cáo, theo sát tiến độ thực hiện sản xuất kinh doanh, đồng thời đóng góp ý kiến và đề xuất giải pháp trực tiếp cho những vấn đề còn vướng mắc.
- Thông qua các cuộc họp HĐQT thực hiện trao đổi, chất vấn Ban Giám đốc về các hoạt động sản xuất kinh doanh, cùng bàn bạc với Ban Giám đốc để tìm ra giải pháp tốt nhất cho các vấn đề phát sinh cũng như phân tích và đo lường các rủi ro.
- Thông qua hoạt động giám sát HĐQT đánh giá Ban Giám đốc đã thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của pháp luật hiện hành, Điều lệ Công ty, quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT, thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, đảm bảo lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và cổ đông. Ban Giám đốc đã hoàn thành vượt kế hoạch các chỉ tiêu kinh doanh năm 2017 do ĐHĐCĐ phê duyệt.

#### 4. Phối hợp hoạt động với Ban kiểm soát

- Hội đồng Quản trị đã phối hợp với Ban Kiểm soát để nắm bắt thực tế việc thực hiện các Nghị quyết/Quyết định của Đại hội đồng Cổ đông, của HĐQT và công việc quản lý kinh doanh. HĐQT tiếp nhận ý kiến đóng góp và đề xuất của Ban Kiểm soát một cách cởi mở, từ đó cân nhắc trong các quyết định quản trị điều hành.

#### 5. Kết quả sản xuất kinh doanh

- Hội đồng Quản trị đã phối hợp hoạt động với Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc Công ty theo nhiệm vụ cụ thể của các bên trong quá trình hoạt động nhằm đảm bảo sự phát triển của Công ty và lợi ích của các cổ đông. Tổng Giám đốc Công ty đã triển khai các biện pháp nhằm thực hiện các Nghị quyết, Quyết định và các vấn đề ủy quyền khác của Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị, thực hiện quản lý điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty phù hợp với pháp luật và Điều lệ Công ty.
- Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2017:
  - Doanh thu 460.709.719.035 đồng, tăng 4,1% so với kế hoạch, tăng 16,8% so với năm 2016.
  - Lợi nhuận 33.992.782.689 đồng, tăng 13,8 % so với kế hoạch, tăng 76,8% so với năm 2016.

## 6. Về tài chính

- Lợi nhuận sau thuế năm 2017 đạt 122% so với kế hoạch năm, đạt 189% so với thực hiện năm 2016 tương đương tăng 13,7 tỷ đồng so với thực hiện năm 2016.
- Tại thời điểm 31/12/2017:
  - Tổng giá trị tài sản của Công ty là 352 tỷ đồng tăng 38,7 tỷ đồng so với năm 2016. Trong đó tài sản ngắn hạn tăng 50 tỷ đồng, tài sản dài hạn giảm 11,3 tỷ đồng.
  - Tổng giá trị nguồn vốn của Công ty là 352 tỷ đồng tăng 38,7 tỷ đồng so với năm 2016. Trong đó nợ phải trả tăng 9,6 tỷ đồng, vốn chủ sở hữu tăng 29 tỷ đồng.
- Trong năm 2017, Công ty đã thực hiện đúng cam kết trong việc cơ cấu trả nợ với Ngân hàng BIDV, AGRIBANK và các đối tác khác. Tổng số nợ đã trả được trong năm qua là 32,5 tỷ đồng giảm được 18% so với năm 2016. Tổng số nợ phải thu đã thu được trong năm qua là 194 triệu đồng giảm được 2% so với năm 2016.

## 7. Về việc thực hiện tái cấu trúc Công ty

- Thực hiện nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông năm 2017 là chấp thuận cho xây dựng phương án cổ phần hoá Uspharma. Hội đồng Quản trị đã xây dựng nhiều phương án Tái cấu trúc khác nhau nhằm đem đến hiệu quả cao nhất cho Quý cổ đông. Sau khi làm việc với tư vấn về pháp lý, hôm nay HĐQT xin trình với Đại hội phương án hoàn thiện tối ưu nhất .
- Để thực hiện được phương án cổ phần hóa US, Công ty cũng còn phải đối mặt với rất nhiều rủi ro, Hội đồng quản trị rất mong nhận được góp ý chân thành từ phía cổ đông.

## 8. Tình hình cổ đông

- Tính đến ngày 18/04/2018 theo danh sách của Ủy ban chứng khoán Chi nhánh TPHCM, Công ty hiện có 1.198 cổ đông, với cơ cấu cổ đông như sau:
  - HĐQT, BKS & Ban điều hành chiếm : 4,89%.
  - Cổ đông nước ngoài chiếm : 0,60%.
  - Cổ phiếu quỹ chiếm : 2,40%.
  - Cổ đông khác chiếm : 92,11%.

## 9. Thù lao của Hội đồng Quản trị, Ban điều hành và Ban Kiểm soát năm 2017

- Tổng chi trả thù lao của Hội đồng Quản trị, Ban điều hành và Ban Kiểm soát trong năm 2017 là 1,280,000,000 đồng, trong đó:
  - Thù lao của Hội đồng Quản trị, Ban điều hành và Ban Kiểm soát của năm 2016 đã chi trong năm 2017 là: 480,000,000 đồng.
  - Thù lao của Hội đồng Quản trị, Ban điều hành và Ban Kiểm soát của năm 2017 đã chi trong năm 2017 là: 800,000,000 đồng.

## A.2 Kế hoạch và định hướng năm 2018 của Hội đồng Quản trị

- Năm 2018 được dự báo chính trị kinh tế thế giới có nhiều biến động, các biến động này có thể sẽ gây ra những khó khăn và thách thức cho nền kinh tế thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng.
- Đối với ngành dược, Thị trường dược phẩm Việt Nam vẫn đang trên đà tăng trưởng khá lạc quan và được đánh giá là một “mảnh đất trù phú” thu hút nhiều nhà đầu tư ngoại, các tập đoàn quốc gia trên thế giới, thậm chí cả những nhà đầu tư trong nước hoạt động ngoài ngành cũng đang tạo ra áp lực khá lớn với các doanh nghiệp dược trong nước. Mức độ cạnh tranh trong thị trường dược những năm tới được đánh giá sẽ diễn ra khốc liệt hơn trên hầu hết các phân khúc thị trường. Những thay đổi của cơ chế chính sách như Nghị định 54/2017/NĐ-CP ngày 8/5/2017 có hiệu lực từ ngày 1/7/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật dược, Thông tư 01/2018/TT-BYT ngày 18/1/2018 của BYT quy định nhãn thuốc, nguyên liệu làm thuốc ... Quy định mỗi hoạt chất chỉ có một biệt dược nên rất hạn chế sản phẩm được lưu hành ảnh hưởng đến doanh thu, bên cạnh đó biến động tỷ giá cũng là những thách thức lớn đối với các doanh nghiệp ngành dược.
- Ngoài những khó khăn chung của ngành, Cagipharm còn có những khó khăn tồn đọng từ những năm trước chưa giải quyết xong. Máy móc trang thiết bị đã lạc hậu, xuống cấp nhưng Công ty vẫn chưa có ngân sách để tái đầu tư.
- Tuy nhiên, với những kết quả đạt được trong những năm qua, Hội đồng Quản trị chủ trương đề ra các mục tiêu trước mắt là tiếp tục tái cấu trúc lãnh mạnh hóa tình hình tài chính tạo điều kiện phát triển Công ty theo hướng ổn định bền vững, đồng thời đảm bảo hiệu quả cao trong các lĩnh vực sản xuất kinh doanh trên cơ sở thiết lập cơ chế kiểm soát và hạn chế rủi ro.

### 1. Chỉ tiêu năm 2018

- Doanh thu 465.110.700.000 đồng
- Lợi nhuận 34.968.271.522 đồng





## 2. Các giải pháp thực hiện

Nhằm đạt được mục tiêu và kế hoạch đề ra, Hội đồng Quản trị cam kết thực hiện:

- Tăng cường công tác quản lý, giám sát chỉ đạo các hoạt động của Ban Điều hành, đảm bảo thực hiện hiệu quả Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông, của Hội đồng Quản trị Công ty, hoàn thành các chỉ tiêu của Đại hội Cổ đông thường niên đề ra.
- Rà soát lại toàn bộ các bộ phận hoạt động theo hướng khoán có hiệu quả. Thực hiện quản lý chi phí, tập trung kiểm soát các khoản chi phí chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu chi phí như chi phí giá vốn, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí tài chính... tinh giảm các chi phí chưa cần thiết, sử dụng hiệu quả các tài sản hiện có.
- Trong thời gian nhiệm kỳ còn lại, Hội đồng Quản trị cam kết sẽ thực hiện thành công phương án Cổ phần hoá Uspharma nhằm mục đích đem lại quyền lợi tối đa cho Quý Cổ đông trong thời gian sớm nhất có thể.

### A.3 Kết luận

- Năm 2017 đã qua, mặc dù vẫn chưa hết khó khăn, nhưng với nỗ lực của Hội đồng Quản trị và toàn thể CB-CNV Công ty đã vượt qua nhiều thách thức, khó khăn để có được kết quả sản xuất kinh doanh vượt kế hoạch như trên. Đây chính là động lực rất lớn cho chúng tôi tiếp tục thực hiện hoàn thành nhiệm vụ sản xuất kinh doanh những năm tiếp theo.
- Hội đồng Quản trị xin chân thành cảm ơn Quý Cổ đông cùng toàn thể CB-CNV Công ty Cagipharm & Uspharma đã luôn tin tưởng và sát cánh cùng chúng tôi trong mọi hoạt động. Hội đồng Quản trị xin hứa sẽ cố gắng hết mình cho khoảng thời gian còn lại của nhiệm kỳ đã được Quý Cổ đông tín nhiệm bầu chọn.
- Để thực hiện tốt các mục tiêu, nhiệm vụ đã đề ra, Hội đồng Quản trị rất mong tiếp tục nhận được sự chia sẻ và ủng hộ của Quý Cổ đông nhằm góp phần hoàn thành tốt nhiệm vụ cho những năm tiếp theo.

## B. BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

### 1. Đặc điểm tình hình

#### a. Khó khăn

- Tình hình vốn cũng chưa cải thiện được nhiều, Công ty và nhà máy vẫn hoạt động trên dòng tiền tạm ứng của khách mua hàng, mua nợ nguyên vật liệu bao bì ...
- Thị trường cạnh tranh gay gắt hơn vì nhiều nhà máy ra đời, sản phẩm tương đồng.



**b. Thuận lợi**

- Cổ đông và khách hàng vẫn ủng hộ và tin tưởng vào sự phát triển trong tương lai.
- Thương hiệu Uspharma dần dần tạo được chỗ đứng trên thị trường.
- Bán hàng thu nợ nhanh quay vòng vốn liên tục.
- Các đối tác tin tưởng cho Uspharma gói đầu các khoản cung ứng nguyên vật liệu, bao bì phục vụ cho sản xuất.

Với những khó khăn và thuận lợi như trên Ban Điều hành và toàn thể CB-CNV Công ty Cagipharm & Uspharma đã nỗ lực 100% thực hiện nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông và nghị quyết của Hội đồng quản trị. Với quyết tâm cao, đoàn kết vượt qua mọi thử thách, năm 2017 Công ty đã đạt được kết quả như sau:

**2. Kết quả sản xuất & kinh doanh năm 2017**

**a. Kết quả sản xuất**

| Phân vùng      | 2016                                    | 2017                                    | Biến động (%) |
|----------------|---|---|---------------|
| Non betalactam | Đã sản xuất 452.092.000 đơn vị sản phẩm | Đã sản xuất 530.295.000 đơn vị sản phẩm | 17,3 %        |
| Cephalosporin  | Đã sản xuất 114.767.000 đơn vị sản phẩm | Đã sản xuất 160.724.000 đơn vị sản phẩm | 40 %          |

**b. Kết quả kinh doanh**

| Chỉ tiêu                      | 2016            | 2017            | 2018            | Biến động (%) | So sánh (%) |
|-------------------------------|-----------------|-----------------|-----------------|---------------|-------------|
| Doanh thu bán hàng hợp nhất   | 394.342.293.140 | 460.709.719.035 | 442.703.700.000 | 16,8%         | 104,1%      |
| Lợi nhuận trước thuế hợp nhất | 19.224.480.832  | 33.992.782.689  | 29.867.305.752  | 76,8%         | 113,8%      |

**3. Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán**



Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Cần Giờ xin công bố thông tin, giải trình đối với ý kiến không chấp nhận toàn phần báo cáo tài chính hợp nhất năm 2017 và phương án khắc phục tình trạng chứng khoán bị hạn chế giao dịch như sau:

- a. Cơ sở từ chối đưa ra ý kiến của kiểm toán về công nợ khó đòi: “Đơn vị chưa trích lập dự phòng phải thu khó đòi đối với số dư công nợ khó đòi phát sinh từ trước năm 2012 đến ngày 01/01/2016 với tổng số tiền 51.541.378.474 đồng (Xem thuyết minh phụ lục 03 của Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm). Nếu trích lập dự phòng theo quy định hiện hành thì lợi nhuận chưa phân phối tại ngày 31/12/2017 sẽ thay đổi tương ứng”.

❖ Giải trình của Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Cần Giờ

- Đây là các khoản công nợ phải thu khó đòi từ trước năm 2012, dựa trên nguyên tắc thận trọng kiểm toán viên đã yêu cầu Công ty trích lập dự phòng phải thu khó đòi cho các khoản công nợ đã quá hạn và khó có khả năng thu hồi. Công ty cho rằng việc chưa thu thập được đầy đủ các bằng chứng như thư đối chiếu công nợ và các bằng chứng khác để đánh giá cơ sở cho việc trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi nêu trên, nên Công ty chưa thể trích lập dự phòng, Công ty sẽ trích lập dự phòng hoặc quy trách nhiệm bồi thường đối với các tổ chức và cá nhân liên quan về việc dẫn đến tình trạng không thể thu hồi nợ trên. Do đó Công ty kiểm toán từ chối đưa ra ý kiến do Công ty không thực hiện trích lập dự phòng phải thu khó đòi.
- b. Cơ sở từ chối đưa ra ý kiến của kiểm toán về khoản tài sản thiếu chờ xử lý: “Khoản tài sản thiếu chờ xử lý với số tiền là 33.268.161.015 đồng (Thuyết minh tại Phụ lục số 02 đính kèm), đây là giá trị hàng tồn kho từ thời điểm 31/12/2009; Tuy nhiên qua thực tế kiểm kê hàng tồn kho xác định rằng tại thời điểm 31/12/2016 không còn nên đơn vị chuyển sang tài sản thiếu chờ xử lý. Với thực tế hàng tồn kho không còn theo kết quả kiểm kê, chúng tôi xác định rằng phải điều chỉnh hồi tố do đây là trị giá hàng tồn kho của trước năm 2016 đã không còn tồn kho; và việc điều chỉnh hồi tố này (nếu có) chỉ tiêu Lợi nhuận chưa phân phối tại ngày 01/01/2017 sẽ giảm đi 33.268.161.015 đồng, cũng như các chỉ tiêu có liên quan khác sẽ thay đổi phù hợp”.

❖ Giải trình của Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Cần Giờ

- Qua thực tế kiểm kê hàng tồn kho xác định rằng tại thời điểm 31/12/2016 không hiện hữu số lượng hàng tồn kho được treo trên sổ sách kế toán trị giá 33.268.161.015 đồng. Theo ý kiến của Công ty kiểm toán khoản chênh lệch giá trị hàng tồn kho không còn trong kho với thời gian từ 31/12/2009 đến thời điểm 31/12/2016 đến nay Công ty vẫn chưa xác định được nguyên nhân thì Công ty phải thực hiện dự phòng thất thoát hàng tồn kho này và điều chỉnh hồi tố vào lỗ lũy kế và

các chỉ tiêu liên quan. Do tại ngày lập báo cáo tài chính năm 2016 Công ty vẫn chưa thu thập được đầy đủ các bằng chứng thích hợp để xác định nguyên nhân dẫn đến chênh lệch hàng tồn kho trên nên Công ty chỉ thực hiện điều chỉnh trị giá hàng tồn kho chênh lệch này sang khoản tài sản thiếu chờ xử lý, ngay khi Công ty xác định được nguyên nhân Công ty sẽ thực hiện hồi tố ảnh hưởng của chênh lệch hàng tồn kho này tới các chỉ tiêu liên quan.

- c. Cơ sở từ chối đưa ra ý kiến của kiểm toán về xác nhận công nợ phải thu: “Chúng tôi không thể thu thập được xác nhận công nợ phải thu khách hàng tổng giá trị 55.841.564.872 đồng, các khoản phải thu khác tổng giá trị 5.781.008.468 đồng và các khoản phải thu tạm ứng tổng giá trị 588.760.277 đồng tại cùng thời điểm 31/12/2017”.

❖ Giải trình của Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Cần Giờ

- Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Cần Giờ có tổng cộng bốn (04) địa điểm kinh doanh với khách hàng trải dài trên cả nước. Đối chiếu công nợ với khách hàng là một công việc phụ thuộc nhiều vào yếu tố khách quan của khách hàng. Phần lớn công nợ chưa được xác nhận là thuộc về khách hàng nợ khó đòi (từ trước năm 2012) và các khoản công nợ chờ hướng xử lý của Hội đồng quản trị. Thời gian qua, Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Cần Giờ đã tích cực rà soát, thực hiện công tác trực tiếp liên lạc để thu hồi công nợ, gửi thư và yêu cầu xác nhận, đối chiếu công nợ với khách hàng tuy nhiên vẫn không nhận được sự hợp tác từ phía khách hàng. Trường hợp các cá nhân, đơn vị không hợp tác, cố tình chây ỳ, Công ty tiếp tục chuyển hồ sơ đến cơ quan pháp luật để xử lý theo quy định. Việc thu hồi các khoản công nợ khó đòi trong năm 2017 đã có chuyển biến tuy nhiên mức chuyển biến chưa lớn. Do đó Công ty kiểm toán đưa ra ý kiến từ chối về các khoản công nợ phải thu chưa có xác nhận này.

d. Phương án khắc phục tình trạng chứng khoán bị hạn chế giao dịch

- Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Cần Giờ nhận thức rõ về những khó khăn và thách thức mà Công ty đang phải đối mặt. Do vậy, Công ty đã rất tích cực trong việc xây dựng và triển khai các giải pháp nhằm tháo gỡ khó khăn, khôi phục và phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh. Một số giải pháp trong thời gian tới, cụ thể như sau:
  - Về các khoản công nợ khó đòi và việc xác nhận công nợ phải thu: Công ty sẽ quyết liệt trong rà soát, đối chiếu và thu hồi công nợ, xây dựng kế hoạch chi tiết việc thu hồi và xử lý công nợ cho từng tháng, từng quý, nhằm thu hồi vốn đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh, giảm tối đa chi phí tài chính do bị chiếm



dụng vốn. Thu thập đầy đủ các bằng chứng thích hợp để đánh giá cơ sở cho việc lập dự phòng nợ phải thu khó đòi.

- Về khoản tài sản thiếu chờ xử lý: Công ty đang thu thập bằng chứng thích hợp để tiến hành hồi tố khoản tài sản thiếu chờ xử lý nêu trên.
- Về các phương án tài chính và kinh doanh: năm 2018, ngành Dược chịu tác động của chính sách đấu thầu thuốc giá rẻ, biến động tỷ giá ngoại tệ, nguyên liệu, cạnh tranh gay gắt của thị trường và những tồn tại khó khăn của các năm trước đã ảnh hưởng không nhỏ đến sản xuất kinh doanh của Công ty. Với nhận định tình hình thực tế tại Công ty, Hội đồng Quản trị chủ trương đề ra các mục tiêu trước mắt là tiếp tục tái cấu trúc lành mạnh hóa tình hình tài chính, giải quyết các vấn đề tồn đọng tài chính tạo điều kiện phát triển Công ty theo hướng ổn định bền vững, đồng thời đảm bảo hiệu quả cao trong các lĩnh vực sản xuất kinh doanh trên cơ sở thiết lập cơ chế kiểm soát và hạn chế rủi ro nhằm đạt được mục tiêu kế hoạch & lợi nhuận.

#### 4. Một số kết quả khác

##### a. Về tài chính

- Thực hiện nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông và của Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành đã làm việc với tư vấn xây dựng phương án cơ cấu tài chính cho Công ty (sẽ trình bày cụ thể sau).
- Thực hiện tốt việc cơ cấu trả nợ với Ngân hàng BIDV, AGRIBANK và các đối tác khác. Tổng số nợ đã trả được trong năm qua là 32,5 tỷ đồng giảm được 18% so với năm 2016. Tổng số nợ phải thu đã thu được trong năm qua là 194 triệu đồng giảm được 2% so với năm 2016.
- Để giảm rủi ro trong công tác bán hàng và quản lý công nợ phải thu, trong năm qua Công ty đã rà soát lại toàn bộ các công nợ của các khách hàng, thực hiện việc bán hàng, quản lý công nợ phải thu theo đúng chính sách kinh doanh, thông qua phần mềm có quy định hạn mức & thời gian nợ.

##### b. Về thương hiệu

- Sau thời gian 06 năm xây dựng không mệt mỏi, thương hiệu Uspharma hiện đang được thị trường chấp nhận, đội ngũ Y Bác sỹ, và các nhà thuốc rất tin dùng khẳng định chất lượng của Uspharma ngày càng vững chắc.

##### c. Về hệ thống phân phối

- Sau 06 năm Cagipharm và Uspharma đã xây dựng được một hệ thống phân phối bao gồm sĩ, lẻ trực tiếp đến tận nhà thuốc và phòng mạch... đảm bảo chắc chắn đầu ra cho sản lượng sản xuất ngày càng tăng.

**d. Về xuất nhập khẩu**

- Bước đầu đã xuất khẩu được một số sản phẩm sang Campuchia, Lào, Nigeria. Tuy nhiên doanh thu vẫn còn khiêm tốn. Kế hoạch sẽ phát triển xuất khẩu mạnh ở các nước trong khu vực ASEAN.

**e. Về số visa**

- Sau 06 năm hoạt động chúng ta hiện đang sở hữu một lượng lớn visa thuốc và công bố TPCN. Đây là một tài sản vô hình rất lớn đem lại nguồn thu cho Công ty.
  - Số visa thuốc đang lưu hành: 303 số.
  - Số visa đang chờ cấp: 210 số.
  - Số visa đạt tương đương sinh học: 11 số.
  - Thực phẩm chức năng: 163 số.

**f. Về nhân sự**

- CB-CNV Công ty Cagipharm – Uspharma đoàn kết gắn bó cùng với Công ty từ lúc khó khăn đến nay. Mặc dù còn nhiều khó khăn nhưng Công ty vẫn đảm bảo đầy đủ chăm lo đời sống cho CB-CNV, ký hợp đồng, mua bảo hiểm đầy đủ, tổ chức nghỉ mát khám sức khoẻ định kỳ cho anh em.

**g. Về pháp lý**

- Công ty đều cập nhật các qui định mới, luật doanh nghiệp bổ sung sửa đổi, hàng năm đều trình cổ đông để cập nhật vào điều lệ Công ty, ổn định về pháp lý.

**5. Chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh hợp nhất năm 2018**

**a. Các chỉ tiêu cơ bản**

- Căn cứ kết quả thực hiện năm 2017, những dự báo kinh tế xã hội Việt Nam và dự báo môi trường kinh doanh dược phẩm năm 2018, nhằm đảm bảo nhiệm vụ sản xuất kinh doanh ổn định và hiệu quả, được sự phê duyệt của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng giám đốc lập kế hoạch kinh doanh năm 2018 như sau:



| KHỐI TIẾP                     | Đơn vị | 2017            | 2018            | Biến động |
|-------------------------------|--------|-----------------|-----------------|-----------|
| Doanh thu bán hàng hợp nhất   | Vnd    | 460.709.719.035 | 465.110.700.000 | + 1,00%   |
| Lợi nhuận trước thuế hợp nhất | Vnd    | 33.992.782.689  | 34.968.271.522  | +3,00%    |

#### b. Các giải pháp thực hiện kế hoạch

##### • Về sản xuất

- Đẩy mạnh sản xuất các mặt hàng chủ lực có hiệu quả cao để hỗ trợ tốt cho kinh doanh phát triển thị trường, tăng doanh thu và lợi nhuận.
- Nghiên cứu, cải tiến công nghệ sản xuất một số sản phẩm với mục tiêu tăng năng suất, giảm tiêu hao vật tư.
- Nghiên cứu làm hồ sơ xin visa các sản phẩm có hoạt chất mới, đa dạng hóa các dạng bào chế nhằm mục tiêu đảm bảo doanh thu trong những năm tới.
- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát trong sản xuất theo đúng tiêu chuẩn GMP, GLP, GDP để đảm bảo tăng năng suất và chất lượng đối với từng sản phẩm .
- Đầu tư thêm một số trang thiết bị, máy móc phục vụ sản xuất nhằm tăng năng suất, chất lượng sản phẩm, ổn định giá thành, nâng cao khả năng cạnh tranh.

##### • Về kinh doanh

- Xây dựng danh mục các sản phẩm chủ lực, tập trung vào các mặt hàng có sản lượng và doanh số lớn, các mặt hàng thị trường đang có nhu cầu cao.
- Xây dựng các chương trình quảng bá thương hiệu Uspharma bằng nhiều hình thức.
- Xây dựng chính sách bán hàng sĩ, lẻ ổn định, phù hợp với thị trường hướng vào quyền lợi khách hàng nhằm tăng sức cạnh tranh, triển khai và quản lý đảm bảo chính sách hậu mãi chăm sóc tốt khách hàng.
- Thực hiện mạnh mẽ việc đấu thầu thuốc vào bệnh viện, Bảo hiểm xã hội, các cơ sở điều trị trên cả nước. Khai thác tối đa các gói thầu sau khi đã trúng thầu.

##### • Về quản trị tài chính

- Tiếp tục tập trung thu hồi và giải quyết các khoản nợ khó đòi, nhằm bổ sung nguồn vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm gia tăng lợi nhuận.

- Tăng cường kiểm tra, giám sát tình hình công nợ, thường xuyên phân tích tình hình công nợ, hạn chế thấp nhất phát sinh các khoản nợ quá hạn, nợ khó đòi.
  - Tập trung vào việc kiểm soát chi phí chiếm tỷ trọng lớn trong cấu trúc chi phí như chi phí giá vốn, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí tài chính... nhằm mục đích gia tăng lợi nhuận.
  - Kiểm soát các khoản chi phí phát sinh trong quá trình sản xuất kinh doanh, nhất là chi phí đầu vào, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả và tuân thủ đúng các quy định về tiêu chuẩn sản xuất kinh doanh.
  - Thực hiện đúng Quy chế tài chính và Quy chế chi tiêu nội bộ của Công ty.
- **Về quản lý điều hành**
    - Thực hiện nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông, chỉ đạo của Hội đồng Quản trị, nỗ lực hoàn thành nhiệm vụ sản xuất kinh doanh hiệu quả, tối đa hóa lợi ích của cổ đông.
    - Tăng cường công tác quan hệ đầu tư, cung cấp thông tin về tình hình sản xuất kinh doanh kịp thời, thiết lập mối quan hệ lâu dài với cổ đông và nhà đầu tư.
    - Thực hiện tốt các quy chế, quy trình quản trị Công ty, nâng cao công tác quản lý điều hành tại Công ty.
    - Tuân thủ quy định của các Cơ quan quản lý nhà nước, của Cục quản lý dược.

## 6. Kết luận

- Kết quả kinh doanh năm 2017 Công ty đã hoàn thành xuất sắc chỉ tiêu Lợi nhuận trước thuế với tỷ lệ đạt 114% so với chỉ tiêu Đại hội đồng Cổ đông đề ra, đó là một nỗ lực rất lớn của tập thể cán bộ công nhân viên hai Công ty.
- Năm 2018 sẽ có nhiều thay đổi và thách thức mới. Ban Điều hành và toàn thể CB-CNV Công ty Cagipharm & Uspharma sẽ nỗ lực hơn nữa vì mục tiêu chung của Công ty, cùng với sự quan tâm hỗ trợ của chính quyền các cấp, sự chỉ đạo kịp thời của Hội đồng Quản trị và sự ủng hộ của Quý cổ đông, Quý khách hàng sẽ góp phần rất lớn để Công ty thực hiện hoàn thành mục tiêu sản xuất kinh doanh năm 2018 và những định hướng trong tương lai.

## C. BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

- Thực hiện chức năng, nhiệm vụ được quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, Ban kiểm soát xin báo cáo Đại hội đồng Cổ đông tình hình thực hiện kiểm soát của Công ty năm 2017 như sau:





### 1. Hoạt động của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát chú trọng đến những hoạt động giám sát và kiểm tra trên một số lĩnh vực trọng yếu sau đây:

- Ban kiểm soát tham gia tất cả 10 cuộc họp của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc, qua đó nắm bắt thông tin kịp thời về tình hình hoạt động của Công ty, để giám sát kiểm tra công tác triển khai và thực thi của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông năm 2017.
- Soát xét các Báo cáo tài chính của Công ty (Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính kế toán và Kiểm toán Phía Nam thực hiện kiểm toán).
- Tham gia cùng Hội đồng Quản trị lựa chọn Công ty kiểm toán.

### 2. Phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám Đốc

- Hoạt động của Ban kiểm soát, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc được phối hợp tốt, cởi mở, đoàn kết nhằm tạo mọi điều kiện thuận lợi cho nhau để cùng hoàn thành nhiệm vụ do Đại hội đồng Cổ đông giao phó, tất cả đều làm việc trên tinh thần nghiêm túc, chặt chẽ, thường xuyên lắng nghe, trao đổi, thảo luận những vướng mắc tồn tại, khắc phục những mặt yếu kém, phát huy những thành tích trong quản lý kinh doanh.

### 3. Hoạt động của Hội đồng Quản trị

Trong năm 2017 hoạt động của Hội đồng Quản trị:

- Hội đồng Quản trị đã tuân thủ các qui định của pháp luật, điều lệ của Công ty, triển khai và thực hiện các nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông năm 2017.
- Hội đồng Quản trị đã tổ chức 10 cuộc họp theo đúng qui định của pháp luật và Điều lệ của Công ty. Ban kiểm soát đánh giá hoạt động của Hội đồng Quản trị đáp ứng kịp thời với yêu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm.
- Hội đồng Quản trị đã ban hành Nghị quyết, Quyết định liên quan đến hoạt động của Công ty trong phạm vi trách nhiệm và quyền hạn của mình. Các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng Quản trị ban hành đúng trình tự, đúng thẩm quyền và phù hợp căn cứ pháp lý theo qui định của Pháp luật và Điều lệ của Công ty. Trong năm 2017 tập trung giải quyết các tồn đọng của Công ty, Hội đồng Quản trị tiếp tục tìm kiếm chọn lựa phương án tái cơ cấu tài chính thích hợp với thực tế hiện tại của Công ty.

### 4. Về công tác tài chính kế toán



Trên cơ sở Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2017 do Ban Tổng Giám đốc Công ty lập, Báo cáo kiểm toán của Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS), Ban kiểm soát đã thẩm định và xác nhận:

- Ban kiểm soát thống nhất với số liệu, đánh giá của kiểm toán độc lập về Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2017 của Công ty.
- Ban kiểm soát không thấy có trường hợp bất thường nào so với kết quả kinh doanh và các số liệu về tài chính đã xác nhận, các báo cáo được thể hiện rõ ràng, đầy đủ phản ánh tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của Công ty năm 2017.
- Việc ghi chép, lưu trữ chứng từ và lập sổ sách kế toán được thực hiện đúng theo các qui định.
- Chấp hành đúng chế độ hạch toán kế toán theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam và qui định Pháp lý hiện hành.

#### 5. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hợp nhất năm 2017

- Thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông và Quyết định của Hội đồng Quản trị về việc giao chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017, trong điều kiện sản xuất kinh doanh của Công ty tuy đã có những khởi sắc, nhưng không phải là đã hết những khó khăn. Do đó tập thể Ban điều hành của Công ty thực hiện nhiều giải pháp cụ thể như: tìm nhiều biện pháp phát triển sản xuất kinh doanh; phát huy hết công suất máy móc thiết bị; thực hiện tái cơ cấu nguồn vốn; tập trung thu hồi công nợ; tinh gọn bộ máy tổ chức; minh bạch hóa hoạt động kinh doanh.
- Hoạt động của Công ty Cổ phần Dược phẩm Cần Giờ tuân thủ các qui định pháp luật có liên quan và các qui định tại Điều lệ tổ chức và các hoạt động đã được Đại hội đồng Cổ đông thông qua và ban hành.
- Sau đây là một số chỉ tiêu chính về tình hình hoạt động Công ty năm 2017 đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) thực hiện kiểm toán.

##### 5.1 Kết quả kinh doanh thực hiện trong năm 2017 so với kế hoạch

*Đơn vị tính : Triệu đồng.*

| Chỉ tiêu                         | Kế hoạch năm 2017 | Thực hiện năm 2017 | Thực hiện so với Kế hoạch | Tỷ lệ đạt (%) so với Kế hoạch |
|----------------------------------|-------------------|--------------------|---------------------------|-------------------------------|
| 1. Doanh thu thuần hợp nhất      | 442.703           | 458.951            | 16.248                    | 104                           |
| 2. Lợi nhuận trước thuế hợp nhất | 29.867            | 33.992             | 4.125                     | 114                           |



## 5.2 Kết quả kinh doanh thực hiện trong năm 2017 so với cùng kỳ năm trước

*Đơn vị tính : Triệu đồng.*

| Chỉ tiêu                         | Thực hiện năm 2016 | Thực hiện năm 2017 | Tăng/giảm | Tỷ lệ đạt (%) so với năm trước |
|----------------------------------|--------------------|--------------------|-----------|--------------------------------|
| 1. Doanh thu thuần hợp nhất      | 392.211            | 458.951            | + 66.740  | 117                            |
| 2. Lợi nhuận trước thuế hợp nhất | 19.225             | 33.993             | +14.768   | 176,82                         |
| 3. Lợi nhuận sau thuế hợp nhất   | 15.371             | 29.114             | +13.743   | 189,41                         |
| 4. Lãi trên cổ phiếu (đồng)      | 1.432              | 2.712              | +1,280    |                                |

## 5.3 Các chỉ số cơ bản

| Chỉ tiêu                                | Thực hiện năm 2017 | Thực hiện năm 2016 | Chênh lệch tăng (+), giảm (-) |
|---|--------------------|--------------------|-------------------------------|
| Suất sinh lời trên tổng tài sản (ROA)   | 8,27 %             | 4,91 %             | + 3,36%                       |
| Suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu (ROE) | 50,03 %            | 52,75 %            | - 2,72%                       |
| Suất sinh lời trên doanh thu (ROS)      | 6,34 %             | 3,92 %             | + 2,42%                       |
| Chi phí bán hàng trên doanh thu         | 1,77 %             | 1,83 %             | - 0,06%                       |
| Chi phí quản lý trên doanh thu          | 13,37 %            | 9,84%              | + 3,53%                       |

Qua số liệu trên nhìn chung Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017 của Công ty Cổ phần Dược phẩm Cần Giờ đạt kết quả rất khả quan, năm nay cao hơn năm trước, đi sâu vào các chỉ tiêu nhận thấy:

- Chỉ tiêu Doanh thu thuần thực hiện năm 2017 là: 459 tỷ đồng (làm tròn số) vượt kế hoạch là 16,2 tỷ đồng (làm tròn số), đạt 104% so với kế hoạch; tương ứng với chỉ tiêu Lợi nhuận trước thuế vượt kế hoạch 4,1 tỷ đồng (làm tròn số), đạt 114% so với kế hoạch.
- Chỉ tiêu Doanh thu thuần 459 tỷ đồng (làm tròn số), mặc dù chỉ tăng 17% so với năm trước nhưng Lợi nhuận trước thuế từ hoạt động sản xuất kinh doanh tăng 1,76 lần tương đương 14,7 tỷ đồng (làm tròn số), đạt 176,82% so với năm 2016.
- Từ chỉ tiêu lợi nhuận đạt được kéo theo các chỉ tiêu khác đều tăng, thể hiện ở các chỉ tiêu sinh lời như:
  - + Suất sinh lời trên tổng tài sản (ROA) là 8,27% tăng 3,36% so với năm trước;
  - + Suất sinh lời trên doanh thu (ROS) là 6,34% tăng 2,42% so với năm trước;



- + Chỉ tiêu suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu (ROE) là 50,03% giảm 2,72% so với năm trước nhưng không ảnh hưởng đến Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- + Chỉ tiêu chi phí bán hàng trên doanh thu là 1,77% giảm 0,06% so với năm trước là một tín hiệu đáng mừng khi chi phí bán hàng chỉ tăng tương ứng với doanh thu đạt được, chỉ có chi tiêu chi phí quản lý trên doanh thu là 13,37% tăng 3,53% so với năm trước.

**6. Tình hình tài chính năm 2017**

Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2017 của Công ty đã phản ánh đầy đủ, kịp thời, trung thực hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2017, các số liệu về tài sản và nguồn vốn tại thời điểm 31/12/2017 đã được kiểm toán. Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng Cổ đông số liệu cụ thể sau:

**SỐ LIỆU TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT NĂM 2017**

| CHỈ TIÊU CƠ BẢN           | NĂM 2017       | NĂM 2016       | TỶ LỆ % SO VỚI NĂM TRƯỚC |
|---------------------------|----------------|----------------|--------------------------|
| <b>I. TỔNG TÀI SẢN</b>    | <b>352.070</b> | <b>313.311</b> | <b>112,4</b>             |
| Tài sản ngắn hạn          | 283.066        | 232.986        | 121,5                    |
| Tài sản dài hạn           | 69.004         | 80.325         | 86                       |
| <b>II. TỔNG NGUỒN VỐN</b> | <b>352.070</b> | <b>313.311</b> | <b>112,4</b>             |
| Vốn chủ sở hữu            | 58.198         | 29.136         | 199,74                   |
| Nợ ngắn hạn               | 232.532        | 201.133        | 115,6                    |
| Nợ dài hạn                | 61.340         | 83.042         | 73,86                    |

Đơn vị tính: Triệu đồng.

| Các chỉ số cơ bản                     | 2017     | 2016     | So sánh   |
|---------------------------------------|----------|----------|-----------|
| Hệ số tài trợ                         | 0,17 lần | 0,09 lần | +0,08 lần |
| Hệ số khả năng thanh toán tổng quát   | 1,2 lần  | 1,1 lần  | +0,1 lần  |
| Hệ số khả năng thanh toán nợ ngắn hạn | 1,22 lần | 1,16 lần | +0,06 lần |
| Hệ số khả năng thanh toán nhanh       | 0,69 lần | 0,7 lần  | -0,01 lần |

Từ những chỉ tiêu phân tích cho thấy:

- Hệ số tài trợ: vốn chủ sở hữu chiếm 17% trên tổng nguồn vốn tăng 0,08 lần so với hệ số tài trợ năm 2016. Điều này chứng tỏ hoạt động sản xuất kinh doanh dần dần được khởi sắc, nhưng vốn chủ sở hữu vẫn chiếm tỷ trọng thấp trên tổng nguồn vốn của Công ty.





- Thông qua các chỉ tiêu hệ số khả năng thanh toán như: hệ số khả năng thanh toán tổng quát năm 2017 là 1,2 lần tăng 0,1 lần so với năm 2016; hệ số khả năng thanh toán nợ ngắn hạn là 1,22 lần tăng 0,06 lần so với năm 2016 điều này cho thấy tình hình tài chính của Công ty đã cải thiện củng cố niềm tin của các nhà đầu tư và cổ đông. Tuy nhiên hệ số khả năng thanh toán nhanh của Công ty chưa được đảm bảo.

**7. Kiến nghị**

- Trong năm 2017, mặc dù tình hình kinh doanh của Công ty đạt được nhiều kết quả khả quan, thương hiệu US Pharma đã có uy tín trên thị trường nhưng vẫn còn đó nhiều khó khăn như: thiếu vốn, nợ vay còn cao, máy móc thiết bị cũ kỹ hư hỏng, mua sắm trang thiết bị rất ít. Công ty cần phải tính toán chủ động nhiều phương án về vốn kinh doanh, tiết giảm chi phí, tiếp tục duy trì hoạt động kinh doanh theo chiều hướng tăng cường công tác quản lý nhằm đáp ứng yêu cầu, phù hợp với tình hình thực tế đưa Công ty vượt mọi trở lực và phát triển bền vững, củng cố niềm tin cho khách hàng và nhà đầu tư.

**8. Kết luận**

- Năm 2017, Hội đồng Quản trị, Ban điều hành Công ty đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ kế hoạch đề ra theo đúng Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông năm 2017. Nhìn chung, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty vẫn tiếp tục ổn định và phát triển, kết quả đạt được trong năm qua của Công ty là một thành công quan trọng, qua đó thể hiện sự cố gắng nỗ lực rất lớn của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc cùng toàn thể cán bộ công nhân viên trong Công ty.
- Trên đây là tóm tắt các hoạt động kiểm tra, giám sát của Ban kiểm soát trong năm qua xin báo cáo với Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm nay. Rất mong nhận được sự góp ý chân thành của Quý vị cổ đông.

**IV. THÔNG TIN CỔ ĐÔNG**

- Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

**1. Cổ phần**

- Tổng số cổ phần đang lưu hành: 10.735.708 cổ phần phổ thông.

**2. Cơ cấu cổ đông (Theo danh sách cổ đông chốt ngày 18/04/2018)**

| Stt | Cơ cấu cổ đông     | Số cổ đông | Số CP sở hữu | Tỷ lệ (%) |
|-----|--------------------|------------|--------------|-----------|
| 1   | Cổ đông trong nước | 1.193      | 10.669.838   | 99,39%    |

| Stt | Cơ cấu cổ đông     | Số cổ đông   | Số CP sở hữu      | Tỷ lệ (%)   |
|-----|--------------------|--------------|-------------------|-------------|
|     | <i>Tổ chức</i>     | 4            | 880               | 0,01%       |
|     | <i>Cá nhân</i>     | 1.189        | 10.668.958        | 99,38%      |
| 2   | Cổ đông nước ngoài | 5            | 65.870            | 0,61%       |
|     | <i>Tổ chức</i>     | -            | -                 | -           |
|     | <i>Cá nhân</i>     | 5            | 65.870            | 0,61%       |
|     | <b>Tổng cộng</b>   | <b>1.198</b> | <b>10.735.708</b> | <b>100%</b> |

- Tỷ lệ sở hữu cổ phần của thành viên Hội Đồng Quản Trị, Ban Tổng Giám Đốc, Ban Kiểm soát:

| Stt | Họ và tên           | Chức vụ                 | Số CP   | Tỷ lệ (%) |
|-----|---------------------|-------------------------|---------|-----------|
| 1   | Phan Thị Hồng Liên  | Chủ Tịch HĐQT           | 62.277  | 0,58%     |
| 2   | Trần Cung           | Phó Chủ Tịch HĐQT       | 124.929 | 1,16%     |
| 3   | Ngô Phi Hậu         | Thành Viên HĐQT         | 126.309 | 1,18%     |
| 4   | Dương Minh Dũng     | Thành Viên HĐQT         | 22.205  | 0,21%     |
| 5   | Huỳnh Công Triết    | Trưởng BKS              | 14.019  | 0,13%     |
| 6   | Trần Thị Bích Loan  | Thành Viên BKS          | 17.241  | 0,16%     |
| 7   | Phan Thị Ánh        | Thành Viên BKS          | 5.392   | 0,05%     |
| 8   | Trần Ngọc Lan Trang | Phó TGĐ – PT Kinh Doanh | 142.596 | 1,33%     |

- Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ (thông tin về các giao dịch cổ phiếu của các thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, các cán bộ quản lý, Thư ký Công ty, cổ đông lớn và những người có liên quan tới các đối tượng nói trên):

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN



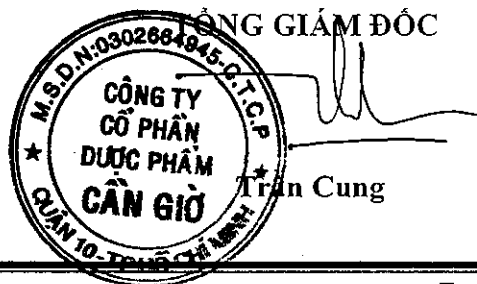
Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Cần Giờ-CGP

| Stt | Tên cá nhân            | Số lượng cổ phiếu tại ngày 31/05/2017 | Số lượng cổ phiếu đã mua từ ngày 31/05/2017 đến ngày 18/04/2018 | Số lượng cổ phiếu tại ngày 18/04/2018 | Tỷ lệ (%) tại ngày 18/04/2018 | Quan hệ của cá nhân với người có liên quan | Tên của người có liên quan tại tổ chức niêm yết | Chức vụ hiện nay của người có liên quan tại tổ chức niêm yết |
|-----|------------------------|---------------------------------------|---|---------------------------------------|-------------------------------|--|---|--|
| 1   | Trần Thị Thu Tâm       | 203.949                               | 116.939   | 320.888                               | 2,99%                         | Vợ   | Trần Cung                                       | Phó Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc                             |
| 2   | Ngô Lê Phương Dung     | 24.726                                | -   | 24.726                                | 0,23%                         | Con  | Ngô Phi Hậu                                     | Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc                           |
| 3   | Ngô Thị Hòa            | 6.470                                 | -   | 6.470                                 | 0,06%                         | Em   | Ngô Phi Hậu                                     | Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc                           |
| 4   | Bùi Thị Kim Liên       | 80.876                                | -   | 80.876                                | 0,75%                         | Vợ   | Hoàng Mãng                                      | Thành viên HĐQT  |
| 5   | Trần Ngọc Lan Anh      | 53.918                                | -   | 53.918                                | 0,50%                         | Chị  | Trần Ngọc Lan Trang                             | Phó Tổng Giám đốc  |
| 6   | Trần Tuấn Khanh        | 6.088                                 | -   | 6.088                                 | 0,06%                         | Chồng                                      | Trần Ngọc Lan Trang                             | Phó Tổng Giám đốc  |
| 7   | Huỳnh Thị Phương Tứ    | 26.445                                | -   | 26.445                                | 0,25%                         | Chị  | Huỳnh Công Triết                                | Trưởng Ban Kiểm soát   |
| 8   | Huỳnh Thị Phương Thuận | 39.900                                | -   | 39.900                                | 0,37%                         | Em   | Huỳnh Công Triết                                | Trưởng Ban Kiểm soát   |

V. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2017 được đính kèm theo báo cáo này.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 05 năm 2018.



# CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CẦN GIỜ

*Báo cáo tài chính hợp nhất*

*Cho năm tài chính 2017 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017*

*đã được kiểm toán*

Được kiểm toán bởi

**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)**





## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Cần Giờ (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính 2017 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017.

### **CÔNG TY**

#### **1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Cần Giờ được thành lập và hoạt động tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0302664945, do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 31 tháng 07 năm 2002, và theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 17 vào ngày 31 tháng 10 năm 2013.

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 31/12/2017 là: **110.000.000.000 VND**

Trụ sở chính của Công ty tại: Lầu 2, Khu 2F-C1, Tòa nhà Mirae Bussiness Center, 268 Tô Hiến Thành, P.15, Q. 10, TPHCM

#### **2. Lĩnh vực kinh doanh**

Sản xuất, thương mại.

#### **3. Ngành nghề kinh doanh:**

- Kinh doanh dược phẩm và dụng cụ y tế, nước hoa, mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh;
- Sản xuất dược phẩm;
- Sản xuất nước khoáng, nước tinh khiết đóng chai (không hoạt động tại trụ sở);
- Bán buôn thực phẩm, thực phẩm chức năng; đường, sữa và các sản phẩm từ sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột; thực phẩm (không bán buôn thực phẩm, đường tại trụ sở);
- Sản xuất trang thiết bị y tế (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện; không sản xuất thủy tinh, gốm sứ tại trụ sở);
- Mua bán trang thiết bị y tế; bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy ngành công nghiệp;
- Sản xuất thực phẩm đặc biệt như: đồ ăn dinh dưỡng, sữa và các thực phẩm dinh dưỡng, thức ăn cho trẻ nhỏ, thực phẩm có chứa thành phần hoóc môn (không hoạt động tại trụ sở);
- Bán buôn đồ uống;
- Bán buôn hóa chất (trừ hóa chất sử dụng trong nông nghiệp);
- Dịch vụ đóng gói (trừ đóng gói thuốc bảo vệ thực vật);
- Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh,
- Kinh doanh bất động sản;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
- Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác;
- Cho thuê xe có động cơ.

#### **4. Cấu trúc Công ty**

##### **Công ty con**

+ Công ty TNHH US Pharma USA

+ Địa chỉ : Lô B1-10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, X. Tân An Hội, H. Củ Chi, Tp. Hồ Chí Minh

+ Vốn đầu tư của chủ sở hữu : 79.000.000.000 VND

+ Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ : 100%

+ Tỷ lệ quyền biểu quyết : 100%

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

### **KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG**

Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Công ty và tình hình tài chính tại ngày 31/12/2017 được thể hiện trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

### **CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHÓA SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày 31/12/2017 cho đến thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT VÀ ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị bao gồm:

|      |                    |              |
|------|--------------------|--------------|
| Bà:  | Phan Thị Hồng Liên | Chủ tịch     |
| Ông: | Trần Cung          | Phó chủ tịch |
| Ông: | Dương Minh Dũng    | Thành viên   |
| Ông: | Ngô Phi Hậu        | Thành viên   |
| Ông: | Hoàng Mạnh         | Thành viên   |

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc bao gồm:

|      |                     |                   |
|------|---------------------|-------------------|
| Ông: | Trần Cung           | Tổng Giám đốc     |
| Ông: | Trần Ngọc Lan Trang | Phó Tổng Giám đốc |
| Ông: | Ngô Phi Hậu         | Phó Tổng Giám đốc |

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

|      |                    |            |
|------|--------------------|------------|
| Ông: | Huỳnh Công Triết   | Trưởng ban |
| Bà:  | Trần Thị Bích Loan | Ủy viên    |
| Bà:  | Phan Thị Ánh       | Ủy viên    |

Đại diện theo pháp luật:

Ông: Trần Cung

Kế toán trưởng:

Ông: Hồ Xuân Bình

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) bày tỏ nguyện vọng tiếp tục làm công tác kiểm toán cho Công ty.

### **CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty cho năm tài chính 2017 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn chứa đựng sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán đang áp dụng được Công ty tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

### **CAM KẾT KHÁC**

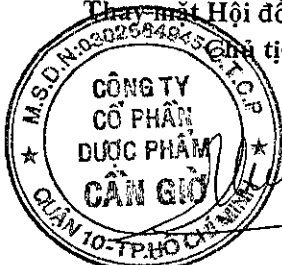

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 do Bộ tài chính ban hành về hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

### **PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Chúng tôi, Hội đồng Quản trị Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Cần Giờ phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính 2017 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Công ty.

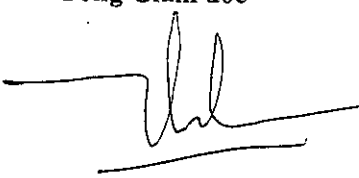
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 03 năm 2018

Thay mặt Hội đồng Quản trị  
Chủ tịch



**PHAN THỊ HỒNG LIÊN**

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc  
Tổng Giám đốc



**TRẦN CUNG**

Số : 326/BCKT/TC/2018/AASCS

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
của Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Cần Giờ

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Cần Giờ được lập ngày 22 tháng 03 năm 2018, từ trang 06 đến trang 86, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến:

#### 1/ Về công nợ khó đòi:

- Đơn vị chưa trích lập dự phòng phải thu khó đòi đối với số dư công nợ khó đòi phát sinh từ trước năm 2012 đến ngày 01/01/2016 với tổng số tiền là 51.541.378.474 đồng (Xem Thuyết minh phụ lục 03 của Báo cáo Tài chính hợp nhất đính kèm). Nếu trích lập dự phòng theo quy định hiện hành thì lợi nhuận chưa phân phối tại ngày 31/12/2017 sẽ thay đổi tương ứng.

#### 2/ Về khoản tài sản thiếu chờ xử lý:

Khoản tài sản thiếu chờ xử lý với số tiền là 33.268.161.015 đồng (Thuyết minh tại Phụ lục số 02 đính kèm), đây là trị giá hàng tồn kho từ thời điểm 31/12/2009; Tuy nhiên qua thực tế kiểm kê hàng tồn kho xác định rằng tại thời điểm 31/12/2016 không còn nên đơn vị chuyển sang tài sản thiếu chờ xử lý. Với thực tế hàng tồn kho không còn theo kết quả kiểm kê, chúng tôi xác định rằng phải điều chỉnh hồi tố do đây là trị giá hàng tồn kho của trước năm 2016 đã không còn tồn kho; và việc điều chỉnh hồi tố này (nếu có) chỉ tiêu Lợi nhuận chưa phân phối tại ngày 01/01/2017 sẽ giảm đi 33.268.161.015 đồng, cũng như các chỉ tiêu có liên quan khác sẽ thay đổi phù hợp.

### 3/ Về xác nhận công nợ phải thu:

Chúng tôi không thể thu thập được xác nhận công nợ phải thu khách hàng tổng giá trị 55.841.564.872 đồng, các khoản phải thu khác tổng giá trị 5.781.008.468 đồng và các khoản phải thu tạm ứng tổng giá trị 588.760.277 đồng tại cùng thời điểm 31/12/2017.

Ngoài việc ảnh hưởng tới tính hoạt động liên tục của công ty do những vấn đề nêu trên, nếu được điều chỉnh sẽ làm cho chỉ tiêu vốn chủ sở hữu bị âm với số tiền ước tính là (26.612.000.319) đồng.

#### Từ chối đưa ra ý kiến:

Do tầm quan trọng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến" chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán. Do đó chúng tôi không thể đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất được đính kèm.

#### Vấn đề nhấn mạnh:

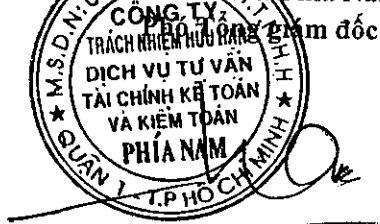
Tuy không phù nhận về hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2017 của Công ty là có lãi, nhưng do vấn đề đã nêu tại đoạn "Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến" ảnh hưởng tới báo cáo tài chính năm 2017 dẫn tới chúng tôi đã từ chối đưa ra ý kiến kiểm toán về Báo cáo tài chính hợp nhất 2017 được đính kèm.

Chúng tôi xin lưu ý với người đọc tới Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2015 kết thúc tại ngày 31/12/2015 đã được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán Việt Úc phát hành ngày 05/04/2016 với ý kiến ngoại trừ.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2018

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính

Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS)



**Đỗ Khắc Thanh**

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số 0064-2018-142-1

Kiểm toán viên

**Lê Văn Tuấn**

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số 0479-2018-142-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

| Mã số | TÀI SẢN   | Thuyết minh | Số cuối năm            | Số đầu năm             |
|-------|---|-------------|------------------------|------------------------|
| 100   | <b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>                          |             | <b>283.066.095.899</b> | <b>232.985.812.663</b> |
| 110   | <b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>        | V.01        | <b>22.720.233.736</b>  | <b>9.436.230.620</b>   |
| 111   | 1. Tiền   |             | 22.720.233.736         | 9.436.230.620          |
| 112   | 2. Các khoản tương đương tiền                       |             |                        |                        |
| 120   | <b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>                | V.02        | <b>5.000.000.000</b>   | <b>5.000.000.000</b>   |
| 121   | 1. Chứng khoán kinh doanh                           |             |                        |                        |
| 122   | 2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)     |             |                        |                        |
| 123   | 3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn                  |             | 5.000.000.000          | 5.000.000.000          |
| 130   | <b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>             |             | <b>123.580.794.506</b> | <b>123.723.054.355</b> |
| 131   | 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng                 | V.03        | 83.290.759.866         | 77.089.872.896         |
| 132   | 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn                 |             | 1.799.493.698          | 7.295.896.703          |
| 133   | 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn                         |             |                        |                        |
| 134   | 4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng |             |                        |                        |
| 135   | 5. Phải thu về cho vay ngắn hạn                     |             |                        |                        |
| 136   | 6. Phải thu ngắn hạn khác                           | V.04        | 5.404.128.724          | 6.273.891.653          |
| 137   | 7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)           |             | (181.748.797)          | (204.767.912)          |
| 139   | 8. Tài sản thiếu chờ xử lý                          | V.05        | 33.268.161.015         | 33.268.161.015         |
| 140   | <b>IV. Hàng tồn kho</b>                             | V.07        | <b>122.511.333.257</b> | <b>91.535.105.537</b>  |
| 141   | 1. Hàng tồn kho                                     |             | 122.832.849.928,00     | 98.084.594.479         |
| 149   | 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)               |             | (321.516.671)          | (6.549.488.942)        |
| 150   | <b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>                     |             | <b>9.253.734.400</b>   | <b>3.291.422.151</b>   |
| 151   | 1. Chi phí trả trước ngắn hạn                       | V.11        | 2.788.358.243          | 524.751.586            |
| 152   | 2. Thuế GTGT được khấu trừ                          |             | 6.260.279.827          | 2.462.496.050          |
| 153   | 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước         | V.14        | 205.096.330            | 304.174.515            |
| 154   | 4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ       |             |                        |                        |
| 155   | 5. Tài sản ngắn hạn khác                            |             |                        |                        |

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

| Mã số | TÀI SẢN   | Thuyết minh | Số cuối năm            | Số đầu năm             |
|-------|---|-------------|------------------------|------------------------|
| 200   | <b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>                       |             | <b>69.003.925.893</b>  | <b>80.325.240.324</b>  |
| 210   | <b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>            |             | <b>2.030.826.945</b>   | <b>2.030.826.945</b>   |
| 211   | 1. Phải thu dài hạn của khách hàng              |             |                        |                        |
| 212   | 2. Trả trước cho người bán dài hạn              |             |                        |                        |
| 213   | 3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc           |             |                        |                        |
| 214   | 4. Phải thu nội bộ dài hạn                      |             |                        |                        |
| 215   | 5. Phải thu về cho vay dài hạn                  |             |                        |                        |
| 216   | 6. Phải thu dài hạn khác                        | V.04        | 2.030.826.945          | 2.030.826.945          |
| 219   | 7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)        |             |                        |                        |
| 220   | <b>II. Tài sản cố định</b>                      |             | <b>11.272.294.597</b>  | <b>12.752.071.182</b>  |
| 221   | 1. Tài sản cố định hữu hình                     | V.08        | 11.272.294.597         | 12.752.071.182         |
| 222   | - Nguyên giá                                    |             | 51.406.139.315         | 48.271.465.727         |
| 223   | - Giá trị hao mòn lũy kế (*)                    |             | (40.133.844.718)       | (35.982.394.545)       |
| 224   | 2. Tài sản cố định thuê tài chính               |             |                        |                        |
| 225   | - Nguyên giá                                    |             |                        |                        |
| 226   | - Giá trị hao mòn lũy kế (*)                    |             |                        |                        |
| 227   | 3. Tài sản cố định vô hình                      | V.09        |                        |                        |
| 228   | - Nguyên giá                                    |             |                        |                        |
| 229   | - Giá trị hao mòn lũy kế (*)                    |             |                        |                        |
| 230   | <b>III. Bất động sản đầu tư</b>                 | V.10        | <b>34.725.095.606</b>  | <b>38.361.714.734</b>  |
| 231   | - Nguyên giá                                    |             | 60.756.649.248         | 60.756.649.248         |
| 232   | - Giá trị hao mòn lũy kế (*)                    |             | (26.031.553.642)       | (22.394.934.514)       |
| 240   | <b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>              |             |                        |                        |
| 241   | 1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn |             |                        |                        |
| 242   | 2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang              |             |                        |                        |
| 250   | <b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>              |             |                        |                        |
| 251   | 1. Đầu tư vào công ty con                       |             |                        |                        |
| 252   | 2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết      |             |                        |                        |
| 253   | 3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác               |             |                        |                        |
| 254   | 4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)        |             |                        |                        |
| 255   | 5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn              |             |                        |                        |
| 260   | <b>V. Tài sản dài hạn khác</b>                  |             | <b>20.975.708.745</b>  | <b>27.180.627.463</b>  |
| 261   | 1. Chi phí trả trước dài hạn                    | V.11        | 9.902.214.831          | 11.887.664.488         |
| 262   | 2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại               |             | 11.073.493.914         | 15.292.962.975         |
| 263   | 3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn  |             |                        |                        |
| 268   | 4. Tài sản dài hạn khác                         |             |                        |                        |
| 269   | 5. Lợi thế thương mại                           |             |                        |                        |
| 270   | <b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>                        |             | <b>352.070.021.792</b> | <b>313.311.052.987</b> |

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

| Mã số      | NGUỒN VỐN   | Thuyết minh | Số cuối năm            | Số đầu năm             |
|------------|---|-------------|------------------------|------------------------|
| <b>300</b> | <b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>                               |             | <b>293.872.482.622</b> | <b>284.174.827.807</b> |
| <b>310</b> | <b>I. Nợ ngắn hạn</b>                               |             | <b>232.532.133.665</b> | <b>201.132.549.406</b> |
| 311        | 1. Phải trả người bán ngắn hạn                      | V.13        | 79.608.060.992         | 85.675.733.303         |
| 312        | 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn                |             | 49.711.014.410         | 29.660.627.595         |
| 313        | 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước              | V.14        | 1.777.387.160          | 1.330.193.568          |
| 314        | 4. Phải trả người lao động                          |             | 9.926.962.060          | 8.607.095.205          |
| 315        | 5. Chi phí phải trả ngắn hạn                        | V.15        | 62.153.338.701         | 64.764.750.501         |
| 316        | 6. Phải trả nội bộ ngắn hạn                         |             |                        |                        |
| 317        | 7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng |             |                        |                        |
| 318        | 8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn                |             |                        |                        |
| 319        | 9. Phải trả ngắn hạn khác                           | V.16        | 3.930.351.408          | 4.190.849.066          |
| 320        | 10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn               | V.12        | 25.395.088.901         | 6.876.260.744          |
| 321        | 11. Dự phòng phải trả ngắn hạn                      |             |                        |                        |
| 322        | 12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi                       |             | 29.930.033             | 27.039.225             |
| 323        | 13. Quỹ bình ổn giá                                 |             |                        |                        |
| 324        | 14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ      |             |                        |                        |
| <b>330</b> | <b>II. Nợ dài hạn</b>                               |             | <b>61.340.348.957</b>  | <b>83.042.278.401</b>  |
| 331        | 1. Phải trả người bán dài hạn                       |             |                        |                        |
| 332        | 2. Người mua trả tiền trước dài hạn                 |             |                        |                        |
| 333        | 3. Chi phí phải trả dài hạn                         |             |                        |                        |
| 334        | 4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh                |             |                        |                        |
| 335        | 5. Phải trả nội bộ dài hạn                          |             |                        |                        |
| 336        | 6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn                 |             |                        |                        |
| 337        | 7. Phải trả dài hạn khác                            |             |                        |                        |
| 338        | 8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn                 | V.12        | 61.340.348.957         | 83.042.278.401         |
| 339        | 9. Trái phiếu chuyển đổi                            |             |                        |                        |
| 340        | 10. Cổ phiếu ưu đãi                                 |             |                        |                        |
| 341        | 11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả                 |             |                        |                        |
| 342        | 12. Dự phòng phải trả dài hạn                       |             |                        |                        |
| 343        | 13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ            |             |                        |                        |



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

| Mã số | NGUỒN VỐN                                      | Thuyết minh | Số cuối năm            | Số đầu năm             |
|-------|--|-------------|------------------------|------------------------|
| 400   | <b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>                       | <b>V.17</b> | <b>58.197.539.170</b>  | <b>29.136.225.180</b>  |
| 410   | I. Vốn chủ sở hữu                              |             | 58.197.539.170         | 29.136.225.180         |
| 411   | 1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu                   |             | 110.000.000.000        | 110.000.000.000        |
| 411a  | - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết       |             | 110.000.000.000        | 110.000.000.000        |
| 411b  | - Cổ phiếu ưu đãi                              |             |                        |                        |
| 412   | 2. Thặng dư vốn cổ phần                        |             |                        |                        |
| 413   | 3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu            |             |                        |                        |
| 414   | 4. Vốn khác của chủ sở hữu                     |             |                        |                        |
| 415   | 5. Cổ phiếu quỹ (*)                            |             | (4.258.914.058)        | (4.258.914.058)        |
| 416   | 6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản             |             |                        |                        |
| 417   | 7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái                  |             |                        |                        |
| 418   | 8. Quỹ đầu tư phát triển                       |             | 2.645.469.564          | 2.645.469.564          |
| 419   | 9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp             |             |                        |                        |
| 420   | 10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu              |             |                        |                        |
| 421   | 11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối          |             | (50.189.016.336)       | (79.250.330.326)       |
| 421a  | - LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước |             | (79.302.610.134)       | (94.620.782.472)       |
| 421b  | - LNST chưa phân phối kỳ này                   |             | 29.113.593.798         | 15.370.452.146         |
| 422   | 12. Nguồn vốn đầu tư XDCB                      |             |                        |                        |
| 429   | 13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát            |             |                        |                        |
| 430   | II. Nguồn kinh phí và quỹ khác                 |             |                        |                        |
| 431   | 1. Nguồn kinh phí                              |             |                        |                        |
| 432   | 2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ           |             |                        |                        |
| 440   | <b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>                     |             | <b>352.070.021.792</b> | <b>313.311.052.987</b> |

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 03 năm 2018

Người lập biểu

Kế toán trưởng



Trưởng Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc

NGUYỄN ANH TUẤN

HỒ XUÂN BÌNH

TRẦN CUNG

# BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2017

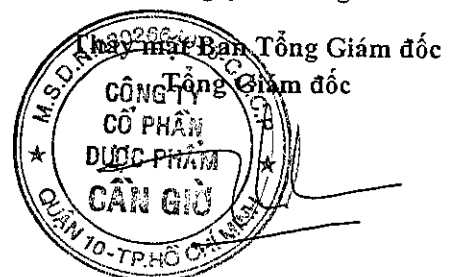
Đơn vị tính: VND

| Mã số | Chi tiêu   | Thuyết minh | Năm nay         | Năm trước       |
|-------|--|-------------|-----------------|-----------------|
| 01    | 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ                  | VI.01       | 460.709.719.035 | 394.342.293.140 |
| 02    | 2. Các khoản giảm trừ doanh thu                            | VI.02       | 1.758.392.960   | 2.131.256.349   |
| 10    | 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ         |             | 458.951.326.075 | 392.211.036.791 |
| 11    | 4. Giá vốn hàng bán  | VI.03       | 346.866.387.630 | 315.296.174.745 |
| 20    | 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ           |             | 112.084.938.445 | 76.914.862.046  |
| 21    | 6. Doanh thu hoạt động tài chính                           | VI.04       | 525.412.394     | 469.508.233     |
| 22    | 7. Chi phí tài chính                                       | VI.05       | 8.653.202.393   | 8.655.037.807   |
| 23    | Trong đó: Chi phí lãi vay                                  |             | 6.812.927.171   | 6.526.017.460   |
| 24    | 8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh     |             |                 |                 |
| 25    | 8. Chi phí bán hàng  | VI.06       | 8.144.298.966   | 7.191.519.910   |
| 26    | 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp                            | VI.07       | 61.374.580.075  | 38.594.368.955  |
| 30    | 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh                |             | 34.438.269.405  | 22.943.443.620  |
| 31    | 11. Thu nhập khác  | VI.08       | 172.550.025     | 21.273.603      |
| 32    | 12. Chi phí khác   | VI.09       | 618.036.741     | 3.740.236.391   |
| 40    | 13. Lợi nhuận khác   |             | (445.486.716)   | (3.718.962.788) |
| 50    | 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế                      |             | 33.992.782.689  | 19.224.480.832  |
| 51    | 15. Chi phí thuế TNDN hiện hành                            | VI.11       | 659.719.830     | 266.559.288     |
| 52    | 16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại                             | VI.12       | 4.219.469.061   | 3.587.469.398   |
| 60    | 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp               |             | 29.113.593.798  | 15.370.452.146  |
| 61    | 18. Lợi nhuận kế toán sau thuế của công ty mẹ              |             | 29.113.593.798  | 15.370.452.146  |
| 62    | 19. Lợi nhuận kế toán sau thuế của cổ đông không kiểm soát |             |                 |                 |
| 70    | 20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu                               | VI.13       | 2.712           | 1.432           |
| 71    | 21. Lãi suy giảm trên cổ phiếu                             | VI.14       | 2.712           | 1.432           |

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 03 năm 2018

Người lập biểu

Kế toán trưởng



NGUYỄN ANH TUẤN

HỒ XUÂN BÌNH

TRẦN CUNG

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2017

Đơn vị tính: VND

| Mã số | Chỉ tiêu   | Thuyết minh | Năm nay                | Năm trước              |
|-------|--|-------------|------------------------|------------------------|
|       | <b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>  |             |                        |                        |
| 01    | <b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>   |             | 33.992.782.689         | 19.224.480.832         |
|       | <b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>   |             |                        |                        |
| 02    | 1. Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT  |             | 8.310.711.258          | 7.960.449.717          |
| 03    | 2. Các khoản dự phòng  |             | (6.250.991.386)        | 293.264.231            |
| 04    | 3. Lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ       |             | 1.670.293.103          | 1.683.184.111          |
| 05    | 4. Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư   |             | (338.687.978)          | 2.055.970.011          |
| 06    | 5. Chi phí lãi vay   |             | 6.812.927.171          | 6.726.017.460          |
| 07    | 6. Các khoản điều chỉnh khác   |             |                        |                        |
| 08    | <b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>                          |             | <b>44.197.034.857</b>  | <b>37.743.360.362</b>  |
| 09    | - Tăng, giảm các khoản phải thu  |             | 6.113.506.216          | 10.563.750.690         |
| 10    | - Tăng, giảm hàng tồn kho  |             | (26.111.009.880)       | 1.324.724.724          |
| 11    | - Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp) |             | 9.081.663.170          | (12.907.242.305)       |
| 12    | - Tăng, giảm chi phí trả trước   |             | (235.691.850)          | 3.063.608.800          |
| 13    | - Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh  |             |                        |                        |
| 14    | - Tiền lãi vay đã trả  |             | (12.458.160.080)       | (6.526.017.460)        |
| 15    | - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp  |             | (481.835.485)          | (354.586.061)          |
| 16    | - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh  |             |                        |                        |
| 17    | - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh   |             | (49.389.000)           | (75.097.000)           |
| 20    | <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>   |             | <b>20.056.117.948</b>  | <b>32.949.907.804</b>  |
|       | <b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>   |             |                        |                        |
| 21    | 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác                                |             | (3.194.315.545)        | (4.286.217.517)        |
| 22    | 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác                             |             | 19.800.000             | 2.109.090.909          |
| 23    | 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác  |             |                        | (5.000.000.000)        |
| 24    | 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác                                  |             |                        |                        |
| 25    | 5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác   |             |                        |                        |
| 26    | 6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác   |             |                        |                        |
| 27    | 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia   |             | 320.687.978            | 312.605.733            |
| 30    | <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>   |             | <b>(2.853.827.567)</b> | <b>(6.864.520.875)</b> |

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2017

Đơn vị tính: VND

| Mã số | Chỉ tiêu   | Thuyết minh | Năm nay                | Năm trước               |
|-------|--|-------------|------------------------|-------------------------|
|       | <b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>   |             |                        |                         |
| 31    | 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu                             |             |                        |                         |
| 32    | 2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành |             |                        |                         |
| 33    | 3. Tiền thu từ đi vay  |             | 137.757.718.652        | 27.382.830.056          |
| 34    | 4. Tiền trả nợ gốc vay   |             | (140.890.509.161)      | (50.432.066.940)        |
| 35    | 5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính  |             |                        |                         |
| 36    | 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu   |             | (787.350.000)          | (31.299.000)            |
| 40    | <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>  |             | <b>(3.920.140.509)</b> | <b>(23.080.535.884)</b> |
| 50    | <b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>  |             | <b>13.282.149.872</b>  | <b>3.004.851.045</b>    |
| 60    | Tiền và tương đương tiền đầu kỳ  |             | 9.436.230.620          | 6.418.225.207           |
| 61    | Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ                                    |             | 1.853.244              | 13.154.368              |
| 70    | Tiền và tương đương tiền cuối kỳ   |             | 22.720.233.736         | 9.436.230.620           |

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 03 năm 2018

Người lập biểu

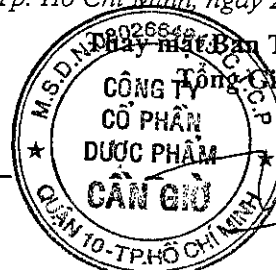


NGUYỄN ANH TUẤN

Kế toán trưởng



HỒ XUÂN BÌNH


 Ban Tổng Giám đốc  
 Tổng Giám đốc

TRẦN CUNG